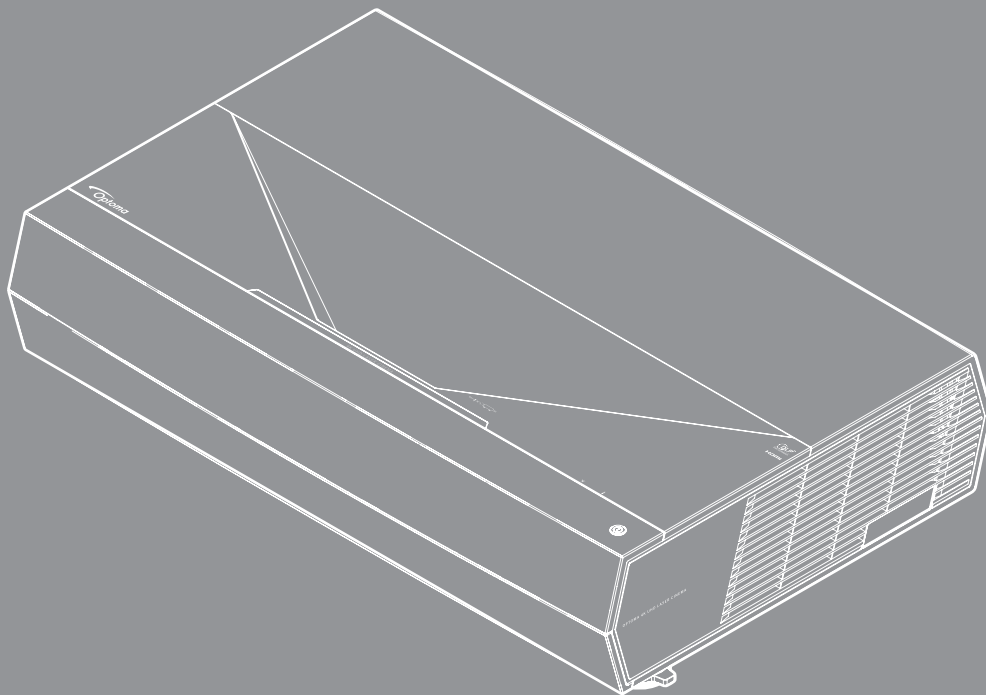


# Máy chiếu DLP®





# MỤC LỤC

<b>AN TOÀN .....</b>	<b>4</b>
<i>Hướng dẫn an toàn quan trọng .....</i>	<i>4</i>
<i>Lau ống kính.....</i>	<i>5</i>
<i>Thông tin an toàn bức xạ laser.....</i>	<i>6</i>
<i>Thông tin an toàn 3D.....</i>	<i>7</i>
<i>Bản quyền .....</i>	<i>8</i>
<i>Khước từ trách nhiệm.....</i>	<i>8</i>
<i>Nhận biết thương hiệu.....</i>	<i>8</i>
<i>FCC.....</i>	<i>8</i>
<i>Tuyên bố tuân thủ quy định của các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu.....</i>	<i>9</i>
<i>WEEE.....</i>	<i>9</i>
<b>GIỚI THIỆU .....</b>	<b>10</b>
<i>Tổng quan về gói sản phẩm.....</i>	<i>10</i>
<i>Phụ kiện chuẩn.....</i>	<i>10</i>
<i>Tổng quan về Sản phẩm .....</i>	<i>11</i>
<i>Kết nối .....</i>	<i>12</i>
<i>Đèn báo bàn phím và LED.....</i>	<i>12</i>
<i>Điều khiển từ xa .....</i>	<i>13</i>
<b>THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT .....</b>	<b>14</b>
<i>Kết nối các nguồn tín hiệu với máy chiếu.....</i>	<i>15</i>
<i>Điều chỉnh Hình ảnh chiếu .....</i>	<i>16</i>
<i>Thiết lập điều khiển từ xa .....</i>	<i>17</i>
<b>SỬ DỤNG MÁY CHIẾU .....</b>	<b>19</b>
<i>Bật/tắt nguồn máy chiếu.....</i>	<i>19</i>
<i>Chọn nguồn vào .....</i>	<i>20</i>
<i>Điều hướng menu và các tính năng .....</i>	<i>21</i>
<i>Sơ đồ menu OSD .....</i>	<i>22</i>
<i>Menu hiển thị.....</i>	<i>27</i>
<i>Menu Âm thanh.....</i>	<i>33</i>
<i>Menu thiết lập.....</i>	<i>33</i>
<i>Menu Thông tin.....</i>	<i>36</i>

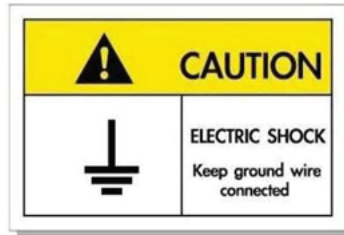
## **THÔNG TIN BỔ SUNG ..... 37**

<i>Độ phân giải tương thích .....</i>	<i>37</i>
<i>Cỡ hình và khoảng cách chiếu .....</i>	<i>42</i>
<i>Các mã điều khiển từ xa .....</i>	<i>43</i>
<i>Khắc phục sự cố .....</i>	<i>45</i>
<i>Chỉ báo cảnh báo .....</i>	<i>46</i>
<i>Thông số kỹ thuật .....</i>	<i>49</i>
<i>Văn phòng toàn cầu của Optoma .....</i>	<i>50</i>

# AN TOÀN

	Biểu tượng ánh chớp có đầu mũi tên trong tam giác đều nhằm mục đích cảnh báo người dùng về "điện thế nguy hiểm" không được cách điện trong vỏ ngoài của sản phẩm và độ lớn có thể đủ mạnh dẫn đến nguy cơ điện giật cho người.
	Dấu than trong tam giác đều nhằm mục đích cảnh báo người dùng về các hướng dẫn bảo dưỡng (bảo trì) và vận hành quan trọng trong tài liệu đi kèm thiết bị.

Vui lòng thực hiện theo mọi cảnh báo, thận trọng và bảo dưỡng được khuyến nghị trong sách hướng dẫn sử dụng này.



Để tránh bị điện giật, máy và các thiết bị ngoại vi phải được nối đất đúng cách (đã nối đất).

Thiết bị này được trang bị phích cắm nguồn loại tiếp mát 3 chân.

Không được tháo chân tiếp mát của phích cắm nguồn.

Đây là một tính năng bảo đảm an toàn. Nếu bạn không thể cắm phích cắm vào ổ, hãy liên hệ cho thợ điện.

Không được khiến cho phích cắm tiếp mát trở thành vô ích.

## Hướng dẫn an toàn quan trọng

- Không chặn các lỗ thông khí. Để đảm bảo hoạt động đáng tin cậy của máy chiếu và để bảo vệ chống quá nhiệt, bạn nên đặt máy chiếu ở vị trí không chặn lỗ thông khí. Ví dụ, không đặt máy chiếu trên bàn cà phê, ghế sofa, giường, v.v. chật chội. Không đặt máy chiếu ở nơi bí như giá sách hoặc ngăn kéo hạn chế luồng khí.
- Để giảm nguy cơ cháy và/hoặc điện giật, không để máy chiếu dính nước hoặc hơi ẩm. Không đặt gần các nguồn nhiệt như bộ tản nhiệt, máy sưởi, lò sấy hoặc bất kỳ thiết bị nào khác như bộ khuếch đại có tỏa nhiệt.
- Không để đồ vật hoặc chất lỏng lọt vào máy chiếu. Chúng có thể chạm vào các điểm điện thế nguy hiểm và làm ngắn mạch các bộ phận có thể dẫn đến cháy hoặc điện giật.
- Không sử dụng trong các điều kiện sau:
  - Trong môi trường nóng, lạnh hoặc ẩm khắc nghiệt.
    - (i) Đảm bảo nhiệt độ phòng xung quanh phải nằm trong phạm vi 0°C~ 40°C (32°F ~ 104°F)
    - (ii) Độ ẩm tương đối là 10% ~ 80%
  - Ở khu vực dễ có nhiều bụi bặm.
  - Gần một thiết bị phát ra từ trường mạnh.
  - Dưới ánh nắng trực tiếp.
- Không sử dụng thiết bị nếu nó đã bị hỏng hoặc lạm dụng về mặt vật lý. Hư hỏng/lạm dụng vật lý có thể là (nhưng không giới hạn ở):
  - Thiết bị đã bị rơi.
  - Dây nguồn hoặc phích cắm bị hỏng.
  - Chất lỏng bị đổ vào máy chiếu.
  - Máy chiếu bị dính nước mưa hoặc hơi ẩm.
  - Một số vật rơi vào trong máy chiếu hoặc một số chi tiết bên trong bị lỏng.

- Không đặt máy chiếu trên bề mặt không ổn định. Máy chiếu có thể rơi và gây chấn thương cho mọi người hoặc máy chiếu có thể bị hỏng.
- Đừng che kín ánh sáng thoát ra từ ống kính máy chiếu khi đang hoạt động. Ánh sáng có thể làm nóng chảy vật dụng, gây bỏng hoặc phát hỏa.
- Vui lòng không mở hoặc tháo rời máy chiếu vì việc này có thể dẫn đến điện giật.
- Không cố tự bảo dưỡng thiết bị. Mở hoặc tháo vỏ có thể làm bạn bị điện giật hoặc gặp rủi ro khác. Vui lòng liên hệ với Optoma trước khi bạn gửi thiết bị để sửa chữa.
- Xem vỏ ngoài của máy chiếu để biết các ký hiệu liên quan.
- Thiết bị chỉ được sửa chữa bởi nhân viên bảo dưỡng phù hợp.
- Chỉ sử dụng phụ tùng/phụ kiện do nhà sản xuất chỉ định.
- Không nhìn thẳng vào ống kính máy chiếu trong khi sử dụng. Ánh sáng chói có thể làm mắt bạn bị tổn thương.
- Khi tắt máy chiếu, vui lòng đảm bảo hoàn tất chu kỳ làm mát trước khi ngắt điện. Chờ 90 giây để máy chiếu nguội.
- Tắt máy và rút phích cắm khỏi ổ cắm AC trước khi lau sản phẩm.
- Dùng khăn khô mềm với chất tẩy rửa nhẹ để lau hốc hiển thị. Sử dụng các chất tẩy rửa ăn mòn, chất sáp hoặc dung môi để vệ sinh thiết bị.
- Ngắt phích cắm khỏi ổ cắm AC nếu không sử dụng sản phẩm trong thời gian dài.
- Không lắp đặt máy chiếu ở những nơi có thể bị rung động hoặc va đập.
- Không chạm vào ống kính bằng tay trần.
- Tháo (các) cục pin ra khỏi điều khiển từ xa trước khi cất giữ. Nếu (các) cục pin vẫn để lại trong điều khiển từ xa trong thời gian dài, chúng có thể rò rỉ.
- Không sử dụng hoặc cất giữ máy chiếu ở những nơi có thể xuất hiện khói từ dầu hoặc thuốc lá, vì khói có thể ảnh hưởng bất lợi đến chất lượng hoạt động của máy chiếu.
- Hãy tuân thủ cách lắp đặt hướng máy chiếu thích hợp vì lắp đặt không quy chuẩn có thể ảnh hưởng đến hiệu suất máy chiếu.
- Sử dụng bộ ổ cắm điện và/hoặc bộ chống sốc điện. Vì sự cố cúp điện và nguồn yếu có thể LÀM HỎNG các thiết bị.

## Lau ống kính


- Trước khi vệ sinh ống kính, đảm bảo tắt máy chiếu và rút dây nguồn ra để nó nguội hoàn toàn.
- Sử dụng bình khí nén để loại bỏ bụi bẩn.
- Sử dụng loại khăn đặc biệt để lau ống kính nhẹ nhàng. Không chạm tay vào ống kính.
- Không sử dụng chất tẩy rửa có tính kiềm/axit hoặc dung môi dễ bay hơi như cồn để lau ống kính. Nếu ống kính bị hỏng do quá trình lau chùi, nó không được bảo hành.

### Warning (Cảnh báo)

- Không dùng bình xịt chứa khí dễ cháy để loại bỏ bụi bẩn khỏi ống kính. Điều này có thể gây ra hỏa hoạn do nhiệt quá cao bên trong máy chiếu.
- Không vệ sinh ống kính nếu máy chiếu nóng lên vì điều này có thể khiến lớp bề mặt ống kính bị bong ra.
- Không lau hoặc chạm vào ống kính bằng vật cứng.

# Thông tin an toàn bức xạ laser

- Tuân thủ 21 CFR 1040.10 và 1040.11 ngoại trừ quy định theo Nhóm Rủi ro 2 LIP được định nghĩa trong IEC 62471-5:Ed.1.0. Để biết thêm thông tin, hãy xem Thông báo Laser số 57, ngày 8 tháng 5 năm 2019.



IEC/EN 60825-1:2014 CLASS 1 LASER PRODUCT RISK GROUP 2  
Complies with 21 CFR 1040.10 and 1040.11 except for conformance as a Risk Group 2 LIP as defined in IEC 62471-5:Ed. 1.0. For more information see Laser Notice No. 57, dated May 8, 2019.

IEC/EN 60825-1:2014 PRODUIT LASER DE CLASSE 1 GROUPE DE RISQUE 2  
Conforme aux normes 21 CFR 1040.10 et 1040.11, à l'exception de la conformité en tant que LIP du groupe de risque 2 définie dans la CEI 62471-5: Ed. 1,0. Pour plus d'informations, voir l'avis au laser n° 57 du 8 mai 2019.

IEC/EN 60825-1:2014 等級1雷射產品RG2危險等級  
除了IEC 62471-5:Ed.1.0中定義的RG2 LIP 危險等級以外，要符合21 CFR 1040.10和1040.11，更多相關資訊，請參閱2019年5月8日的第57號雷射公告。

IEC/EN 60825-1:2014 1类激光产品RG2危险等级  
除了IEC 62471-5:Ed.1.0中定义的RG2 LIP 危险等级以外，要符合21 CFR 1040.10和1040.11，更多相关信息，请参阅2019年5月8日的第57号激光公告。

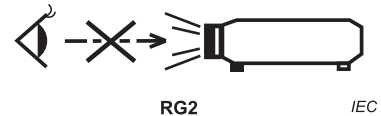


## Không tuân thủ các điều sau có thể dẫn đến tử vong hoặc thương tích nặng.

- Máy chiếu này có tích hợp môđun laser Loại 4. Tháo rời hay sửa đổi là rất nguy hiểm và bạn không được thử thực hiện các thao tác này.
- Bất kỳ thao tác hay điều chỉnh nào không được chỉ dẫn cụ thể qua sổ tay sử dụng sẽ tạo ra rủi ro phơi nhiễm phóng xạ laser nguy hiểm.
- Không được mở hoặc tháo rời máy chiếu vì điều này có thể gây ra thiệt hại do phơi nhiễm bức xạ laser.
- Không nhìn thẳng vào chùm tia sáng khi máy chiếu đang bật. Ánh sáng này có thể gây thiệt hại mắt vĩnh viễn.
- Khi bật máy chiếu, đảm bảo không có ai trong phạm vi chiếu đang nhìn vào ống kính.
- Không tuân thủ quy trình điều khiển, điều chỉnh hoặc thao tác có thể gây ra thiệt hại do phơi nhiễm bức xạ laser.
- Hướng dẫn đầy đủ về cách lắp ráp, vận hành và bảo dưỡng, bao gồm các cảnh báo rõ ràng liên quan đến các biện pháp phòng ngừa để tránh phơi nhiễm tia laser.

**"WARNING: MOUNT ABOVE THE HEADS OF CHILDREN."**  
Additional warning against eye exposure for close exposures less than 1 m.  
"AVERTISSEMENT : INSTALLER AU-DESSUS DE LA TÊTE DES ENFANTS."  
Avertissement supplémentaire contre l'exposition oculaire pour des expositions à une distance de moins de 1 m.

警告：安装在高于孩童头顶处  
关于小于1 m 近距离眼睛暴露的附加警告  
「警告：安裝在高於兒童頭部處」  
針對 1 m 以下近距離眼睛接觸的額外警告



IEC 60825-1:2014 Loại 1 RG2

IEC 62471-5:2015 RG2

- Các hướng dẫn bổ sung để trông coi trẻ nhỏ, không được nhìn thẳng và không được sử dụng thiết bị hỗ trợ quang học.
- Hướng dẫn bổ sung về cách lắp đặt xa tầm tay trẻ em.
- Thông báo được đưa ra để giám sát trẻ em và không bao giờ cho phép trẻ em nhìn thẳng vào chùm tia sáng của máy chiếu từ bất kỳ khoảng cách nào.
- Thông báo được đưa ra để thận khi sử dụng điều khiển từ xa để bật máy chiếu khi đứng trước ống kính máy chiếu.
- Thông báo được đưa ra cho người dùng để tránh sử dụng thiết bị hỗ trợ quang học như ống nhòm hoặc kính viễn vọng lên chùm tia sáng
- Giống như mọi nguồn sáng khác, không được nhìn thẳng vào chùm tia sáng, RG2 IEC 62471-5:2015.
- CẢNH BÁO: LẮP Ở VỊ TRÍ PHÍA TRÊN ĐẦU CỦA TRẺ EM. Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng giá treo trần cho sản phẩm này để đặt ở vị trí phía trên tầm mắt của trẻ em.

## Thông tin an toàn 3D

Hãy tuân thủ mọi cảnh báo và cách phòng ngừa như khuyến nghị trước khi bạn hoặc con mình sử dụng chức năng 3D.

### Warning (Cảnh báo)

Trẻ em và thanh thiếu niên có thể dễ gặp các vấn đề sức khỏe liên quan đến việc xem 3D hơn và cần được giám sát chặt khi xem các hình ảnh này.

## Cảnh báo về Co giật Do Nhạy cảm với Ánh sáng và Các Nguy cơ Sức khỏe Khác

- Một số người xem có thể bị co giật động kinh hay đột quy khi tiếp xúc với một số hình ảnh hay ánh sáng nhấp nháy có trong một số hình ảnh từ Máy chiếu hoặc trò chơi điện tử. Nếu bạn bị như vậy hoặc có tiền sử gia đình về động kinh hay đột quy, vui lòng tham khảo ý kiến chuyên gia y tế trước khi sử dụng chức năng 3D.
- Thậm chí những người không có tiền sử cá nhân hay gia đình về động kinh hoặc đột quy cũng có thể có tình trạng chưa được chẩn đoán có thể gây ra co giật động kinh do nhạy cảm với ánh sáng.
- Phụ nữ có thai, người già, người mắc các bệnh trạng nghiêm trọng, người ngủ do hoặc chịu ảnh hưởng của rượu cần tránh sử dụng chức năng 3D của thiết bị.
- Nếu quý vị có bất kỳ triệu chứng nào sau đây, hãy ngừng xem ảnh 3D ngay lập tức và tham khảo ý kiến chuyên gia y tế: (1) thay đổi thị lực; (2) váng đầu; (3) chóng mặt; (4) cử động không chủ ý như mắt hoặc cơ bị giật; (5) lẫn lộn; (6) buồn nôn; (7) mất nhận thức; (8) co giật; (9) chuột rút; và/ hoặc (10) mất phương hướng. Trẻ em và thanh thiếu niên có nhiều khả năng bị những triệu chứng này hơn người lớn. Cha mẹ cần theo dõi con em mình và hỏi trẻ có bị những triệu chứng này không.
- Việc xem hình chiếu 3D cũng có thể gây ra tình trạng bệnh do chuyển động, tác động cảm giác sau đó, mất phương hướng, căng mắt và giảm ổn định về tư thế. Người dùng cần thường xuyên nghỉ giải lao để giảm khả năng xảy ra các tác động này. Nếu mắt bạn có dấu hiệu mệt mỏi hoặc kho, hay nếu bạn có bất kỳ triệu chứng nào nêu trên, hãy dừng sử dụng thiết bị này ngay lập tức và không dùng lại trong ít nhất ba mươi phút sau khi các triệu chứng đã giảm bớt.
- Việc xem hình chiếu 3D khi ngồi quá gần với màn hình trong thời gian kéo dài có thể làm hỏng thị lực của bạn. Khoảng cách xem lý tưởng tối thiểu bằng ba lần chiều cao màn hình. Tầm mắt của người xem cần ngang bằng với màn hình.
- Việc xem hình chiếu 3D trong khi đeo kính 3D trong thời gian kéo dài có thể gây đau đầu hay mệt mỏi. Nếu bạn bị đau đầu, mệt mỏi hoặc chóng mặt, hãy dừng xem hình chiếu 3D và nghỉ ngơi.
- Không sử dụng kính 3D cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài việc xem hình chiếu 3D.
- Việc đeo kính 3D cho bất kỳ mục đích nào khác (như kính mắt nói chung, kính râm, kính bảo hộ, v.v.) có thể có hại cho thể chất của bạn và làm yếu thị lực.
- Việc xem hình chiếu 3D có thể gây mất phương hướng cho một số người xem. Do đó, KHÔNG để MÁY CHIẾU 3D gần khu vực cầu thang mở, dây cáp, ban công hay các vật thể khác có thể bị vấp phải, mắc vào, húc ngã, vỡ hay rơi.

## Bản quyền

Ấn bản này, kể cả mọi hình ảnh, minh họa và phần mềm, được bảo vệ theo các luật bản quyền quốc tế với mọi bản quyền được bảo lưu. Cẩm tái bản số tay này cũng như bất cứ phần nào chứa bên trong mà không có sự đồng ý bằng văn bản của tác giả.

© Bản quyền 2021

## Khước từ trách nhiệm

Thông tin trong tài liệu này có thể chịu sự thay đổi mà không cần thông báo trước. Nhà sản xuất không đưa ra bất cứ tuyên bố hoặc chính sách bảo hành nào đối với các nội dung liên quan và đặc biệt khước từ mọi chính sách bảo hành gián tiếp về tính thương mại hay khả năng tương thích của sản phẩm cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Nhà sản xuất có quyền sửa đổi ấn bản này và thỉnh thoảng thay đổi nội dung liên quan mà không có trách nhiệm thông báo cho bất cứ cá nhân nào về những chỉnh sửa hay thay đổi đó.

## Nhận biết thương hiệu

Kensington là thương hiệu đã đăng ký tại Mỹ của ACCO Brand Corporation với các số đăng ký đã được cấp và các ứng dụng đang chờ cấp bằng sáng chế ở những nước khác trên toàn thế giới.

HDMI, Biểu tượng HDMI và High-Definition Multimedia Interface (Giao diện đa phương tiện độ nét cao) là các thương hiệu hoặc thương hiệu đã đăng ký của HDMI Licensing LLC ở Mỹ và các nước khác.

DLP®, DLP Link và biểu tượng DLP là các thương hiệu đã đăng ký của Texas Instruments, và BrilliantColor™ là thương hiệu của Texas Instruments.

Amazon, Alexa và mọi logo liên quan là thương hiệu của Amazon.com, Inc. hoặc các chi nhánh của Amazon.

Tất cả các tên sản phẩm khác sử dụng trong sổ hướng dẫn này là tài sản của các công ty sở hữu riêng và đã được công nhận.

## FCC

Thiết bị này đã được kiểm thử và chứng tỏ tuân thủ các giới hạn đối với thiết bị kỹ thuật số loại B chiểu theo Phần 15 của quy định FCC. Các giới hạn này nhằm cung cấp sự bảo vệ hợp lý trước nhiễu sóng có hại trong lắp đặt tại gia đình. Thiết bị này tạo ra, sử dụng và có thể phát ra năng lượng có tần số radio và, nếu không được lắp đặt và sử dụng theo đúng hướng dẫn, nó có thể làm nhiễu sóng có hại đối với liên lạc bằng radio.

Tuy nhiên, không có đảm bảo rằng nhiễu sóng sẽ không xuất hiện ở một cách lắp đặt cụ thể nào. Nếu thiết bị này gây ra nhiễu sóng có hại đối với việc tiếp nhận radio hoặc truyền hình, có thể xác định điều này bằng cách bật và tắt thiết bị, người dùng nên cố khắc phục nhiễu sóng bằng một hoặc các biện pháp sau:

- Đổi hướng hoặc đổi vị trí ăng ten nhận tín hiệu.
- Tăng khoảng cách giữa thiết bị và bộ nhận tín hiệu.
- Cắm thiết bị vào ổ cắm của mạch điện khác với nơi cắm bộ nhận tín hiệu.
- Tham khảo ý kiến của đại lý hoặc kỹ thuật viên radio/truyền hình có kinh nghiệm để được trợ giúp.



## Thông báo: Cấp có vỏ bọc

Mọi kết nối tới các thiết bị máy tính phải sử dụng cáp có vỏ bọc để tuân thủ các quy định FCC.

### Chú ý

Những thay đổi hoặc chỉnh sửa không được thông qua trực tiếp bởi nhà sản xuất có thể khiến cho người dùng mất quyền sử dụng máy chiếu này vốn được cấp phép bởi Ủy ban Truyền thông Liên bang.

### Điều kiện hoạt động

Thiết bị này tuân thủ Phần 15 của quy định FCC. Hoạt động phải tuân theo hai điều kiện sau:

1. Thiết bị này có thể không gây nhiễu sóng có hại và
2. Thiết bị này phải chấp nhận mọi nhiễu sóng được nhận, bao gồm nhiễu sóng có thể dẫn đến hoạt động không mong muốn.

### Thông báo: Người dùng Canada

Thiết bị kỹ thuật số Loại B này tuân thủ tiêu chuẩn ICES-003 của Canada (B).

Remarque à l'intention des utilisateurs canadiens

Cet appareil numérique de la classe B est conforme à la norme NMB-003 (B) du Canada.

## Tuyên bố tuân thủ quy định của các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu

- Chỉ thị EMC 2014/30/EU (bao gồm các sửa đổi)
- Chỉ thị 2014/35/EU về điện thế thấp
- Chỉ thị về thiết bị vô tuyến (RED) 2014/53/EU

## WEEE



### Hướng dẫn thải bỏ

Không vứt thiết bị điện tử này vào thùng rác khi thải bỏ. Để giảm thiểu ô nhiễm và đảm bảo sự bảo vệ tối đa cho môi trường toàn cầu, hãy tái chế thiết bị này.

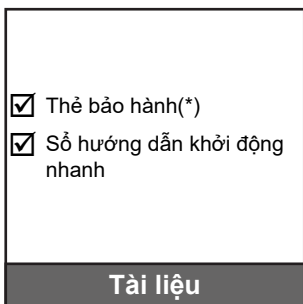
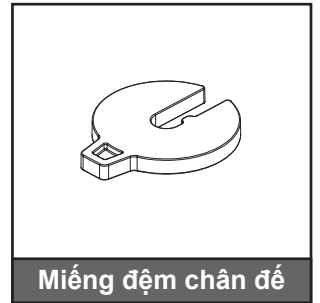
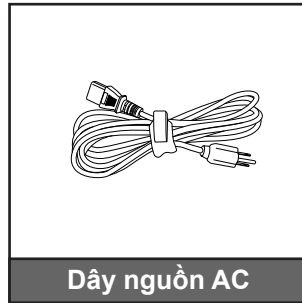
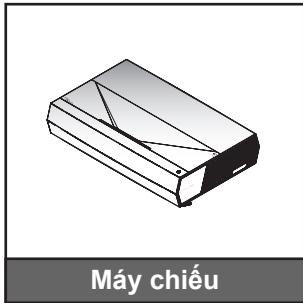
# GIỚI THIỆU

## Tổng quan về gói sản phẩm

Cẩn thận mở hộp đựng và xác nhận là bạn đã nhận các mặt hàng như liệt kê dưới đây thuộc phụ kiện chuẩn. Một số mặt hàng thuộc phụ kiện chuẩn có thể không có sẵn tùy theo mẫu sản phẩm, thông số kỹ thuật và khu vực mua hàng của bạn. Hãy kiểm tra với nơi mua hàng của bạn. Một số phụ kiện có thể khác nhau tùy theo khu vực.

Thẻ bảo hành chỉ được kèm theo ở một số khu vực cụ thể. Hãy liên hệ với đại lý bán hàng để có thông tin chi tiết.

## Phụ kiện chuẩn



### Lưu ý:

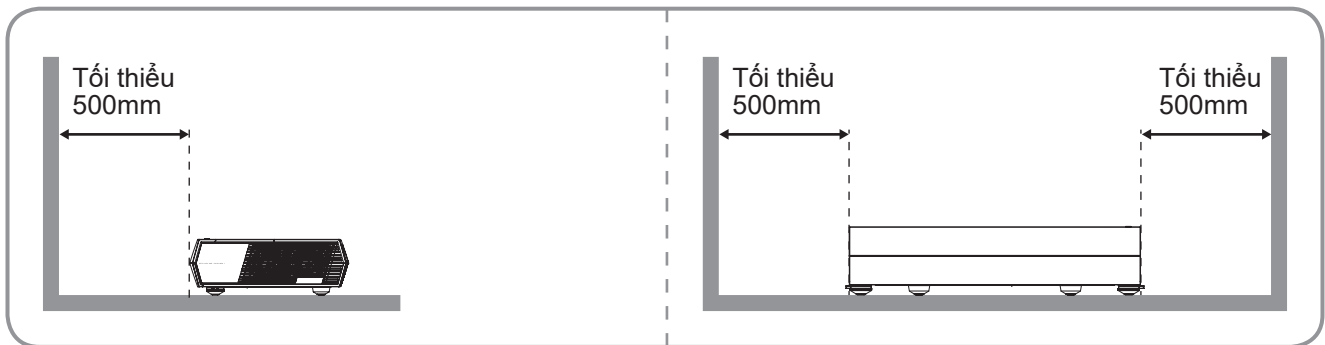
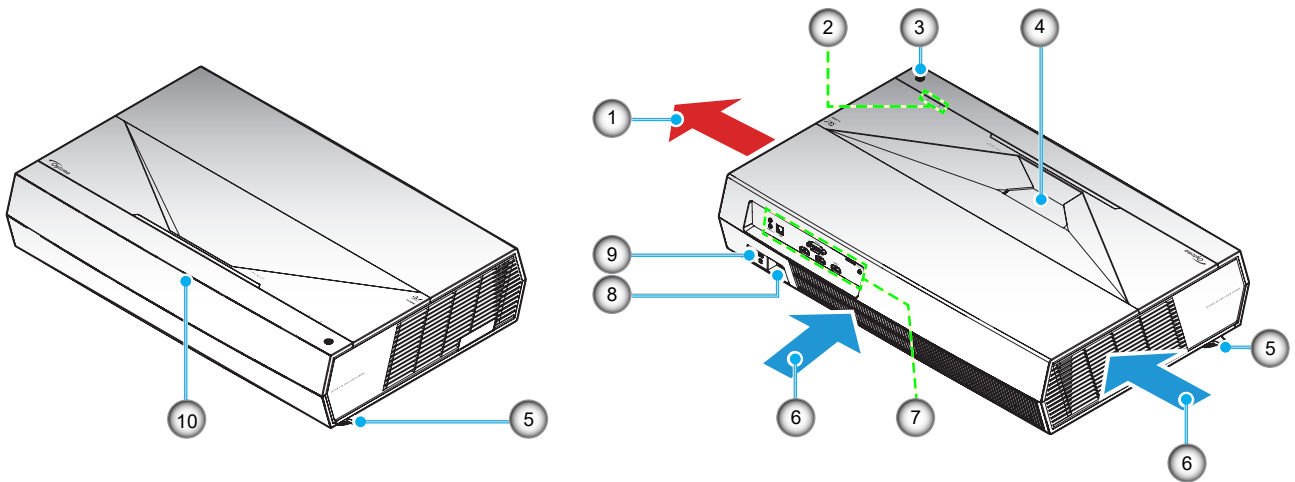
- Điều khiển từ xa thực tế có thể khác nhau tùy theo từng khu vực.
- (\*) Để biết thông tin bảo hành cho khu vực châu Âu, vui lòng truy cập [www.optoma.com](http://www.optoma.com).



Hãy quét mã QR hoặc truy cập URL sau: <https://www.optoma.com/support/download>

# GIỚI THIỆU

## Tổng quan về Sản phẩm



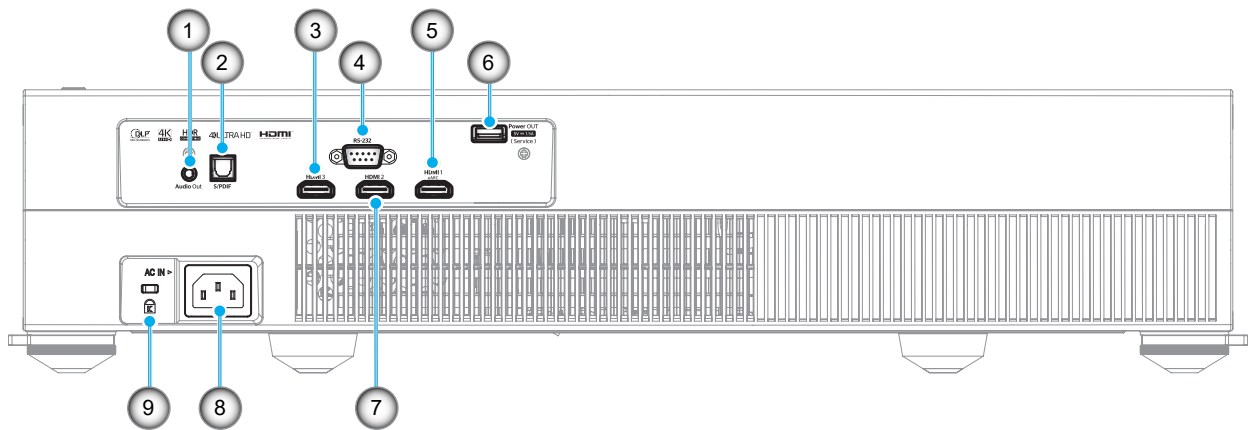
### Lưu ý:

- Không chặn bít đầu vào và lỗ thông khí của máy chiếu.
- Khi sử dụng máy chiếu trong không gian kín, hãy chừa khoảng cách ít nhất 50cm (19 inch) quanh đầu vào và lỗ thông khí của máy chiếu.

STT	Mục	STT	Mục
1.	Thông khí (cửa thoát)	6.	Thông khí (cửa nạp)
2.	Đèn báo LED	7.	Đầu vào/Đầu ra
3.	Nút nguồn	8.	Ổ cắm điện
4.	Ống kính	9.	Cổng khóa Kensington™
5.	Chân chỉnh độ nghiêng	10.	Bộ thu hồng ngoại

# GIỚI THIỆU

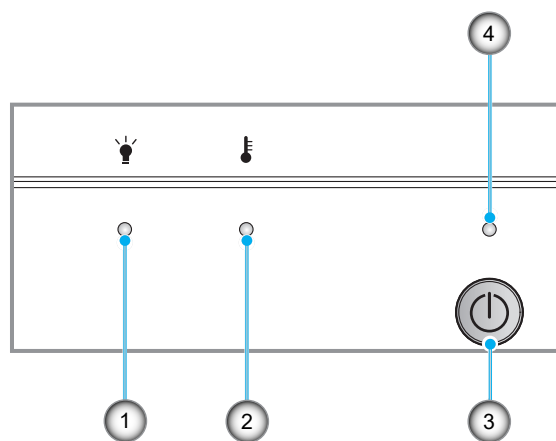
## Kết nối



STT	Mục	STT	Mục
1.	Cổng ra âm thanh	6.	Cổng USB (Nguồn điện 5V $\pm$ 1,5A)(*)
2.	Cổng S/PDIF (PCM 2 kênh, Kỹ thuật số 5.1)	7.	Cổng HDMI 2 (HDMI v2.0)
3.	Cổng HDMI 3 (HDMI v2.0)	8.	Ổ cắm điện
4.	Cổng RS-232	9.	Cổng khóa Kensington™
5.	Cổng HDMI 1 (HDMI v2.0 eARC)		

**Lưu ý:** (\*) Không nên sạc điện thoại di động.

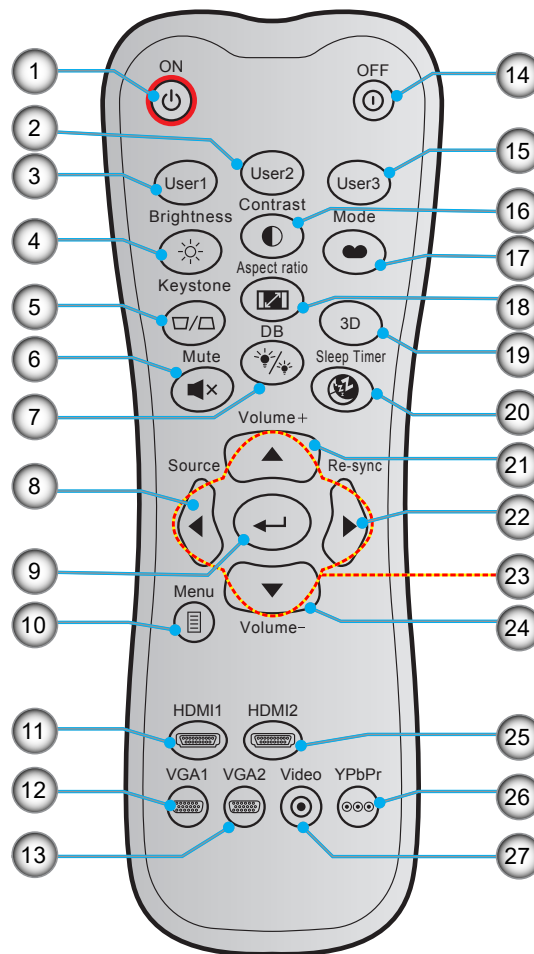
## Đèn báo bàn phím và LED



STT	Mục	STT	Mục
1.	Nguồn ánh sáng LED	3.	Nút nguồn
2.	Đèn LED nhiệt độ	4.	Đèn LED NGUỒN

# GIỚI THIỆU

## Điều khiển từ xa



STT	Mục	STT	Mục
1.	Bật nguồn	15.	Người sử dụng 3 (Đã sửa lỗi khi nhấn trực tiếp phím nguồn "HDMI3")
2.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Người sử dụng 2 (Đã sửa lỗi khi chỉnh tiêu điểm thu nhỏ)</li> <li>Chỉnh tiêu điểm</li> </ul>	16.	Contrast (Độ tương phản)
3.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Người dùng 1 (Có thể gán được)</li> <li>(Đã sửa lỗi khi chỉnh tiêu điểm phóng to)</li> <li>Chỉnh tiêu điểm</li> </ul>	17.	Display Mode (Chế độ hiển thị)
4.	Brightness (Độ sáng)	18.	Aspect Ratio (Tỉ lệ khung hình)
5.	Keystone (Điều chỉnh vuông hình)	19.	Bật/tắt menu 3D
6.	Mute (Tắt âm)	20.	Hẹn giờ tắt máy
7.	DB (Mức đen động)	21.	Âm lượng +
8.	Source (Nguồn tín hiệu)	22.	Tái Đồng Bộ
9.	Enter (Nhập)	23.	Bốn phím chọn điều hướng
10.	Menu	24.	Âm lượng -
11.	HDMI1	25.	HDMI2
12.	VGA1 (không hỗ trợ)	26.	YPbPr (không hỗ trợ)
13.	VGA2 (không hỗ trợ)	27.	Video (không hỗ trợ)
14.	Power Off (Tắt nguồn)		

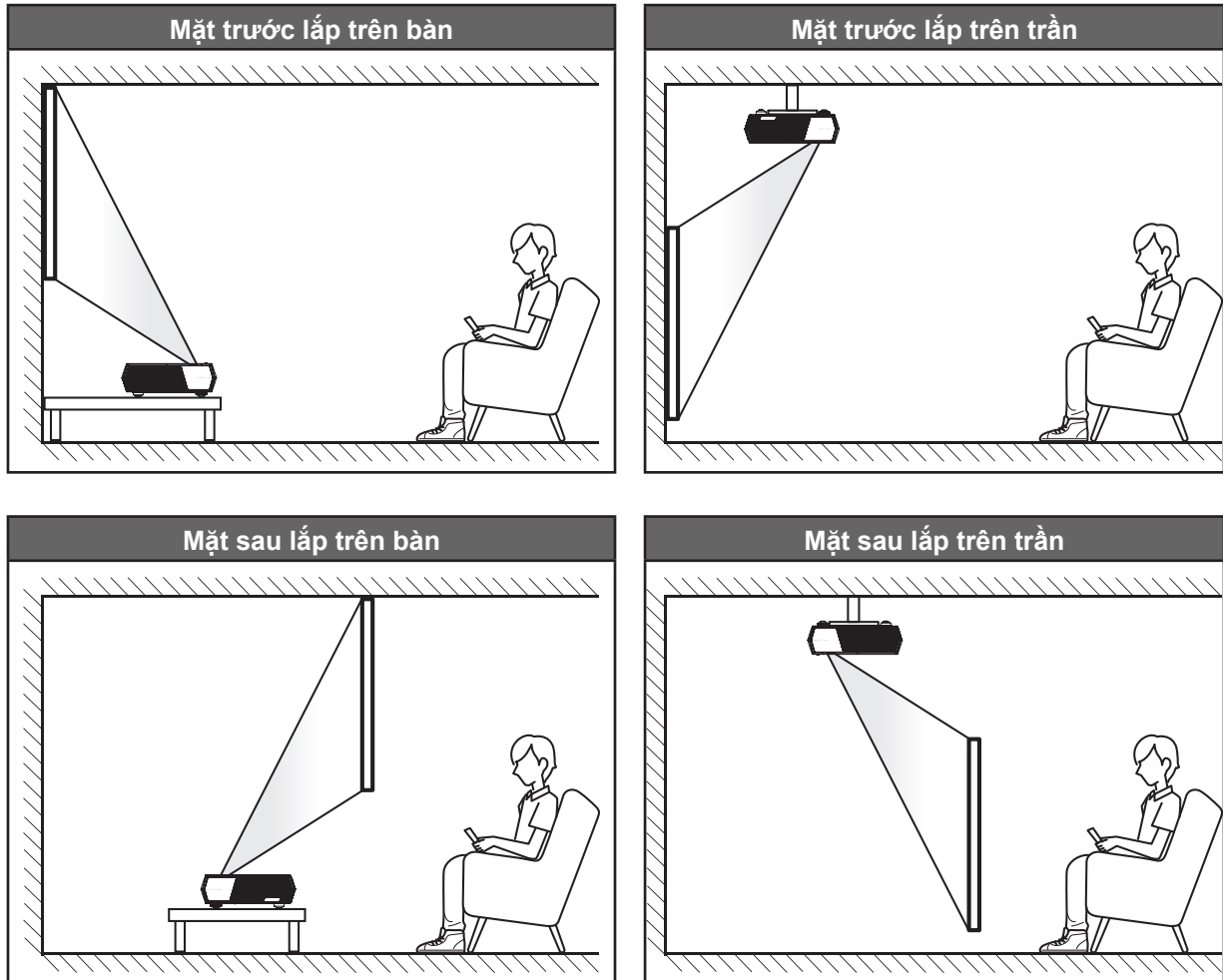
### Lưu ý:

- Điều khiển từ xa thực tế có thể khác nhau tùy theo từng khu vực.
- Một số phím có thể không có chức năng cho những mẫu máy không hỗ trợ các tính năng này.

# THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Máy chiếu của bạn được thiết kế để lắp đặt tại một trong bốn vị trí khả dụng.

Cách bố trí phòng hoặc sở thích riêng sẽ quyết định địa điểm nào bạn cần chọn. Xem xét đến kích thước và vị trí màn hình, vị trí ổ cắm điện thích hợp, cũng như địa điểm và khoảng cách giữa máy chiếu và các trang thiết bị còn lại.



- Để biết cách xác định địa điểm lắp máy chiếu theo kích thước màn hình có sẵn, hãy tham khảo bảng khoảng cách ở trang 42.
- Để biết cách xác định kích thước màn hình theo khoảng cách có sẵn, hãy tham khảo bảng khoảng cách ở trang 42.

## Lưu ý:

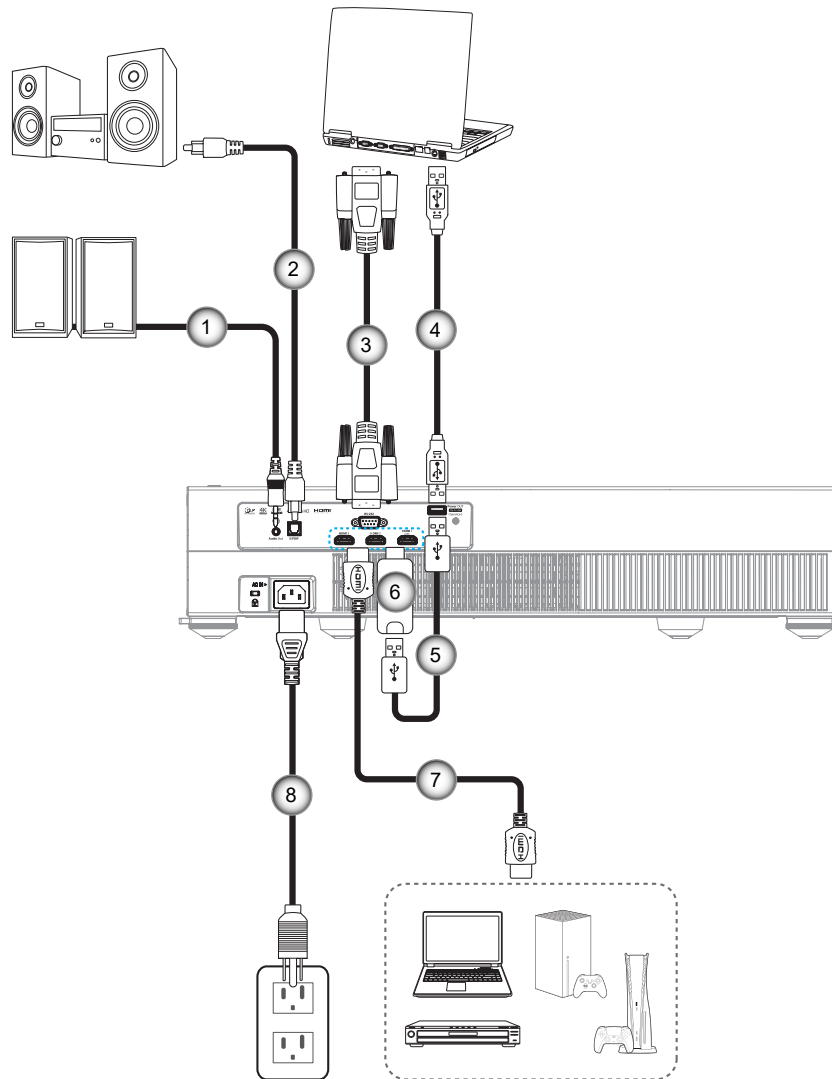
- Máy chiếu đặt càng xa màn hình thì kích thước hình chiếu càng tăng và độ bù chiều dọc cũng tăng theo tỷ lệ.
- Độ lệch dọc có thể khác nhau giữa các máy chiếu, do những hạn chế từ quy trình sản xuất quang học. Các điều chỉnh bổ sung có thể xảy ra khi chuyển đổi máy chiếu.

## QUAN TRỌNG!

Không sử dụng máy chiếu theo bất kỳ hướng nào khác với hướng mặt bàn hoặc giá treo trần. Nên đặt máy chiếu nằm ngang và không được đặt nghiêng về phía trước/sau hoặc sang trái/phải. Đặt theo bất kỳ hướng nào khác sẽ vô hiệu hóa dịch vụ bảo hành và có thể làm giảm tuổi thọ đèn máy chiếu hoặc chính máy chiếu. Để được tư vấn cách lắp đặt không quy chuẩn, xin liên hệ với Optoma.

# THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

## Kết nối các nguồn tín hiệu với máy chiếu



STT	Mục
1.	Cáp đầu ra âm thanh
2.	Cáp đầu ra S/PDIF
3.	Cáp RS232
4.	Cáp USB (Chỉ dùng để bảo trì/nâng cấp firmware DDP)

STT	Mục
5.	Cáp nguồn USB
6.	Thiết bị phát tín hiệu HDMI
7.	Cáp HDMI
8.	Dây nguồn

### Lưu ý:

- Bạn có thể cắm chuột hoặc bàn phím USB vào cổng USB.
- Để đảm bảo chất lượng hình ảnh tốt nhất và tránh các lỗi kết nối, bạn nên sử dụng các loại cáp HDMI Cao Cấp. Với dây cáp dài hơn 20-25 feet, chúng tôi khuyến nghị nên dùng cáp Active Fiber HDMI.

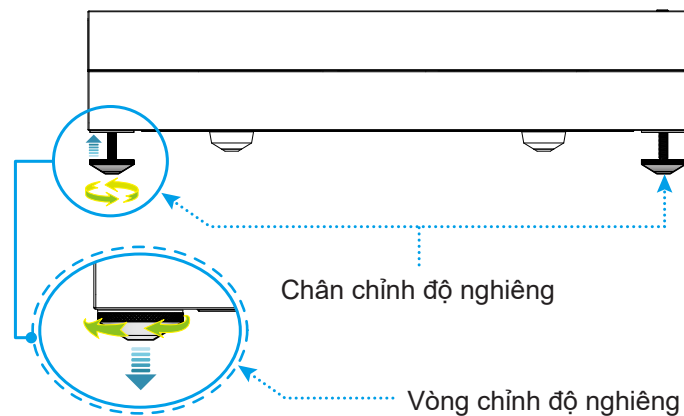
# THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

## Điều chỉnh Hình ảnh chiếu

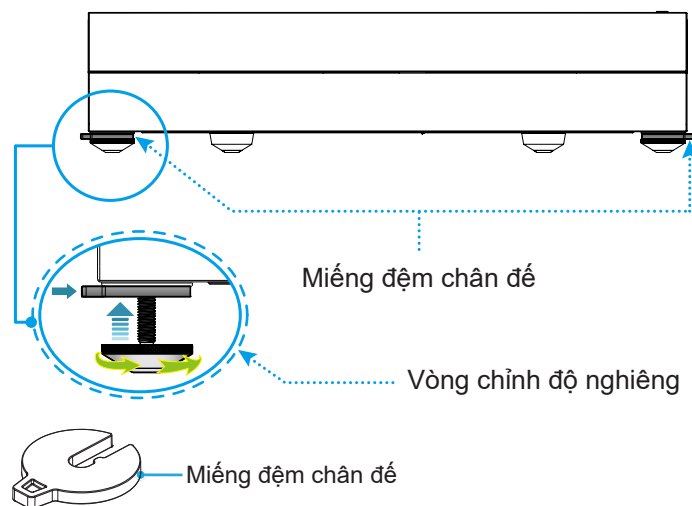
### Chiều cao hình

Máy chiếu được trang bị chân nâng để điều chỉnh độ cao của hình ảnh.

1. Xác định bánh điều chỉnh bạn muốn chỉnh ở mặt dưới máy chiếu.
2. Vặn bánh chân đế tùy chỉnh theo hoặc ngược chiều kim đồng hồ để nâng hoặc hạ máy chiếu.



**Lưu ý:** Nếu bạn muốn canh bằng phẳng máy chiếu, vặn chân đế tùy chỉnh và gắn miếng đệm chân đế vào cả hai chân đế. Sau đó siết chặt chân đế.





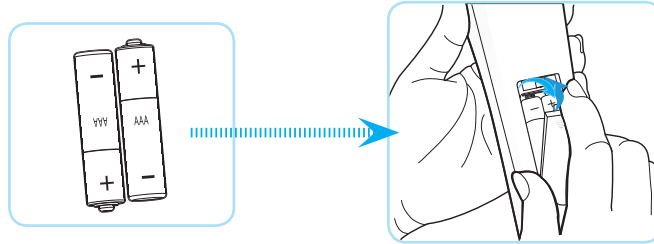
# THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

## Thiết lập điều khiển từ xa

### Lắp đặt/thay thế pin cho điều khiển từ xa

Hai cục pin cỡ AAA được kèm theo điều khiển từ xa.

1. Tháo nắp đậy pin ở mặt sau điều khiển từ xa.
2. Lắp các cục pin AAA vào khoang chứa pin như hình minh họa.
3. Lắp lại nắp đậy phía sau vào điều khiển từ xa.



**Lưu ý:** Chỉ nên thay mới bằng loại pin giống nhau hoặc tương đương.

### CHÚ Ý

Sử dụng pin không thích hợp có thể gây ra rò rỉ hóa chất hoặc cháy nổ. Đảm bảo thực hiện theo các hướng dẫn bên dưới.

- Không được kết hợp với loại pin khác. Loại pin khác nhau có những đặc điểm khác nhau.
- Không được kết hợp pin cũ với pin mới. Kết hợp pin cũ với pin mới có thể rút ngắn tuổi thọ pin mới hoặc gây rò rỉ hóa chất ở pin cũ.
- Tháo pin ra ngay khi chúng bị cạn kiệt. Hóa chất rò rỉ từ pin tiếp xúc với da có thể gây mẩn ngứa. Nếu bạn phát hiện có bất kỳ rò rỉ hóa chất nào, hãy lau kỹ bằng khăn.
- Pin kèm theo sản phẩm này có thể có tuổi thọ dự kiến ngắn hơn do các điều kiện bảo quản.
- Nếu bạn không sử dụng điều khiển từ xa trong thời gian dài, hãy tháo pin ra.
- Khi thải bỏ pin, bạn phải tuân thủ luật pháp tại khu vực hoặc quốc gia liên quan.

# THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

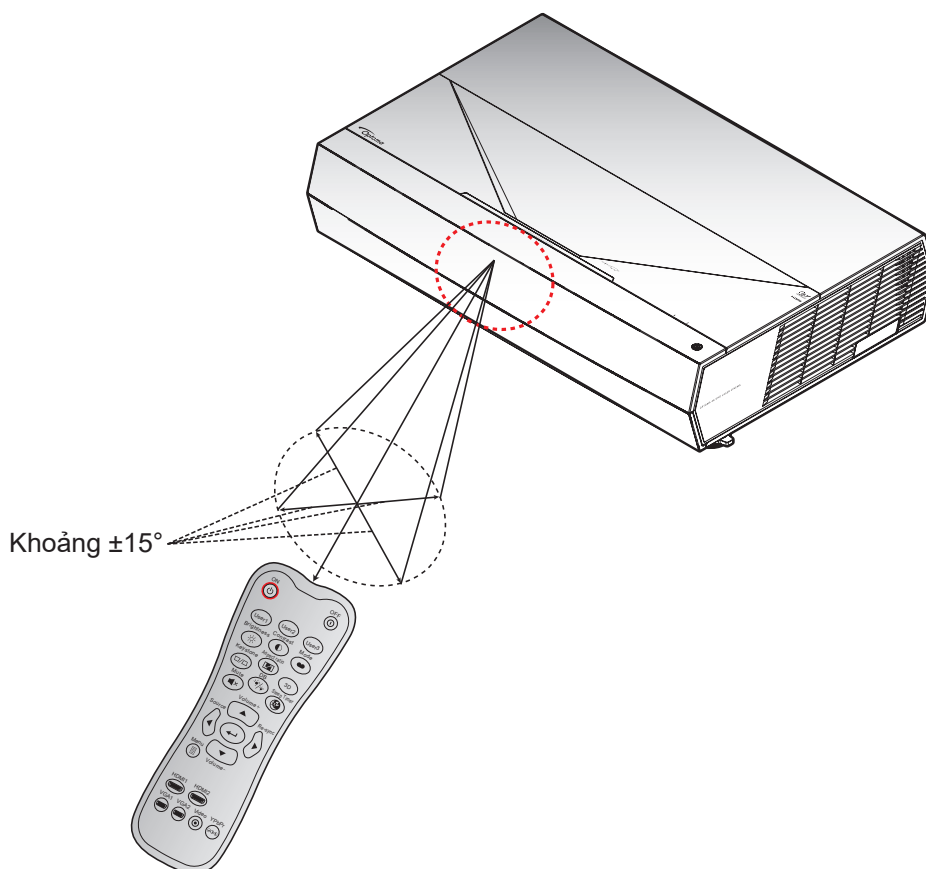
## Phạm vi hoạt động

Cảm biến điều khiển từ xa hồng ngoại (IR) nằm ở phía trước máy chiếu. Đảm bảo giữ điều khiển từ xa ở một góc  $\pm 15^\circ$  vuông góc với cảm biến điều khiển từ xa IR trên máy chiếu để hoạt động thích hợp. Khoảng cách giữa điều khiển từ xa và cảm biến không được xa hơn 6 mét (khoảng 19,6 foot).

Bạn cũng có thể sử dụng điều khiển từ xa bằng cách chia nó vào hình chiếu.

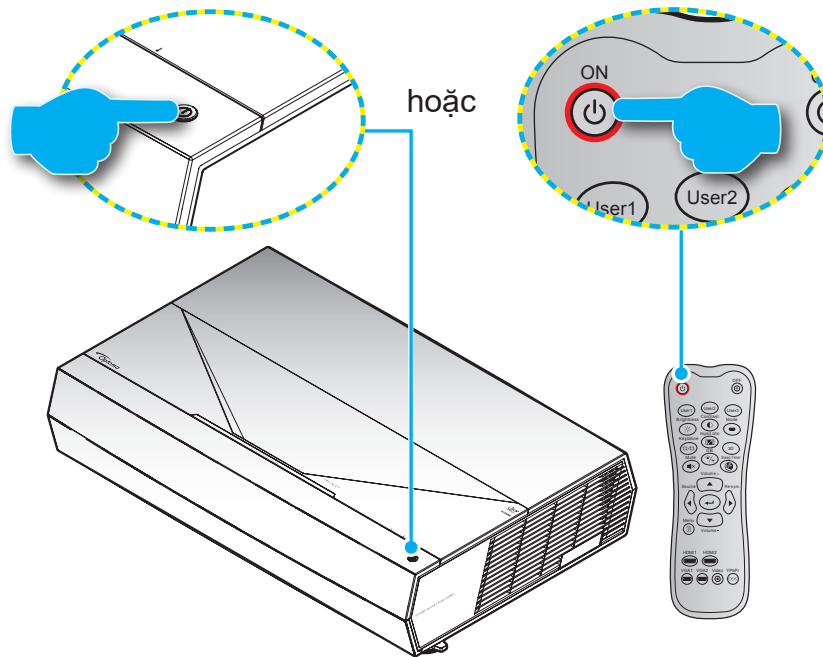
**Lưu ý:** Khi trở điều khiển từ xa trực tiếp (một góc 0 độ) vào cảm biến IR, khoảng cách giữa điều khiển từ xa và cảm biến không dài hơn 8 mét (khoảng 26,2 foot).

- Đảm bảo không có các vật cản giữa điều khiển từ xa và cảm biến IR trên máy chiếu vốn có thể cản trở chùm tia hồng ngoại.
- Đảm bảo bộ truyền phát IR trên điều khiển từ xa không bị chiếu vào trực tiếp bởi ánh sáng mặt trời hoặc đèn huỳnh quang.
- Hãy giữ xa điều khiển từ xa khỏi các đèn huỳnh quang với khoảng cách hơn 2 mét; nếu không, điều khiển từ xa có thể bị hỏng.
- Nếu đặt gần các đèn huỳnh quang Loại Bộ đảo điện, điều khiển từ xa thỉnh thoảng có thể không hoạt động.
- Nếu điều khiển từ xa và máy chiếu nằm trong khoảng cách rất gần, điều khiển từ xa có thể không hoạt động.
- Để ghép nối Bluetooth, sau khi bật nguồn máy chiếu, đảm bảo hướng điều khiển từ xa vào vùng được đánh dấu bằng vòng tròn đỏ trên hình ảnh bên dưới.
- Nếu Standby Power Mode (Chế độ nguồn chờ) được đặt sang “Eco (Tiết kiệm)” sau khi bật nguồn máy chiếu, hãy đảm bảo nhắm điều khiển từ xa thẳng vào bộ thu IR.





# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

## Bật/tắt nguồn máy chiếu





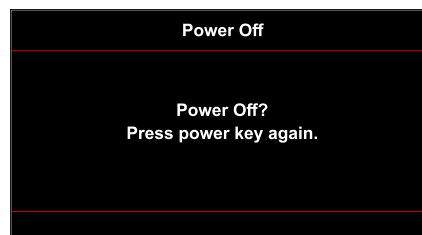
### Bật nguồn







1. Cắm chặt dây nguồn và cáp tín hiệu/cáp nguồn. Khi đã kết nối, đèn LED nguồn sẽ chuyển sang màu đỏ.
2. Bật máy chiếu bằng cách nhấn nút  trên bàn phím máy chiếu hoặc nút  trên điều khiển từ xa.
3. Màn hình khởi động sẽ hiển thị trong khoảng 20 giây và đèn LED nguồn sẽ nhấp nháy màu trắng.

**Lưu ý:** Lần đầu bật máy chiếu, bạn sẽ được nhắc chọn ngôn ngữ ưu tiên, hướng chiếu và các cài đặt khác.

### Tắt nguồn

1. Tắt máy chiếu bằng cách nhấn nút  trên bàn phím máy chiếu hoặc nút  trên điều khiển từ xa.
2. Thông báo sau đây sẽ hiển thị:



3. Nhấn lại nút / để xác nhận; nếu không, thông báo đó sẽ biến mất sau 10 giây. Khi bạn nhấn nút / trong lần thứ 2, máy chiếu sẽ tắt.
4. Các quạt làm nguội tiếp tục hoạt động khoảng 10 giây theo chu kỳ làm nguội và đèn LED nguồn sẽ nhấp nháy màu trắng. Khi đèn LED nguồn chuyển sang một màu đỏ, điều này cho biết máy chiếu đã vào chế độ chờ. Nếu muốn bật máy chiếu trở lại, bạn phải chờ cho đến khi hoàn tất chu trình làm nguội và máy chiếu đã vào chế độ chờ. Khi máy chiếu ở chế độ chờ, chỉ cần nhấn lại nút / để bật máy chiếu.
5. Rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện và máy chiếu.

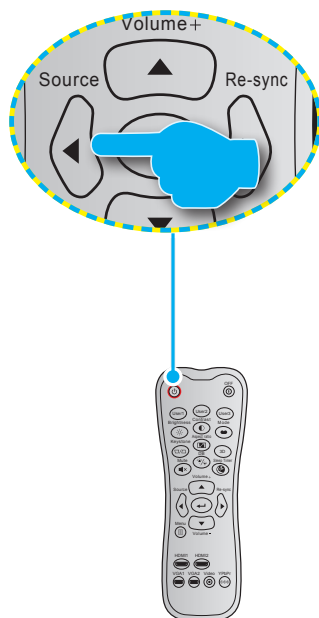
**Lưu ý:** Bạn không được bật máy chiếu ngay sau quy trình tắt nguồn.

Trong quá trình khởi động, đèn LED nguồn nhấp nháy màu trắng; và trong khi hoạt động bình thường, đèn LED nguồn sáng một màu trắng.

# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

## Chọn nguồn vào



Bật nguồn tín hiệu vừa kết nối mà bạn muốn hiển thị trên màn hình, như máy vi tính, máy tính xách tay, đầu xem video, v.v.... Máy chiếu sẽ tự dò tìm nguồn tín hiệu. Nếu đã kết nối nhiều nguồn tín hiệu, hãy nhấn nút **Source (Nguồn tín hiệu)** trên điều khiển từ xa để chọn đầu vào mong muốn.

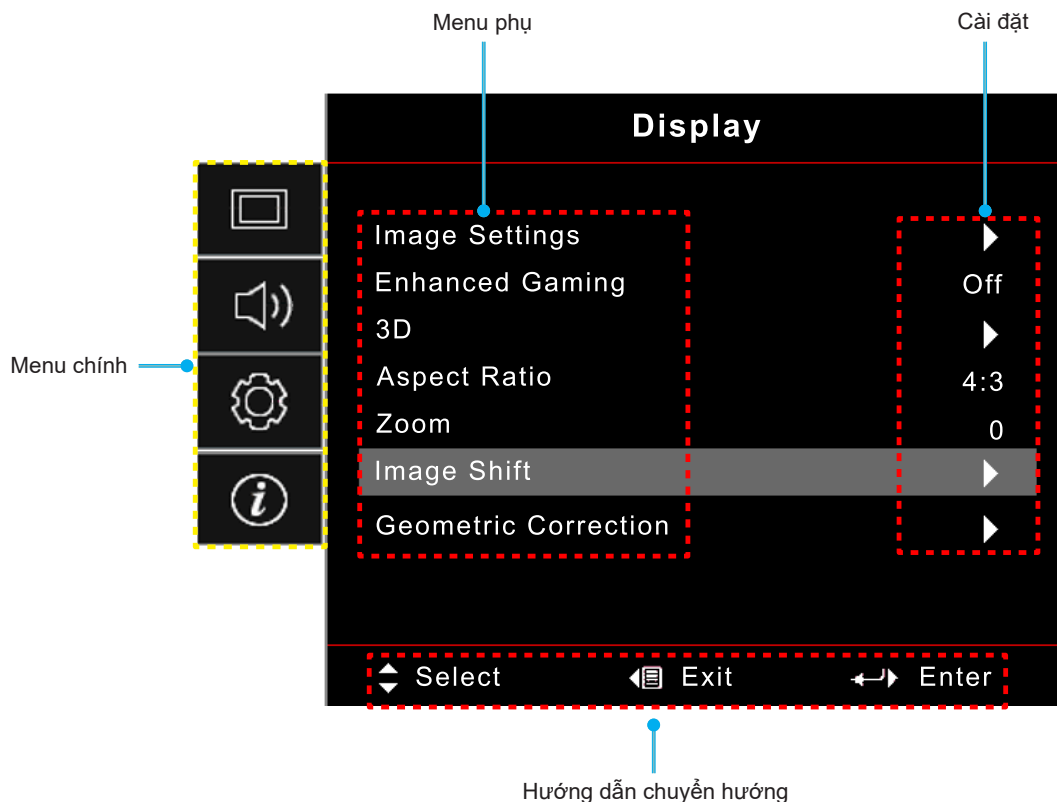


# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

## Điều hướng menu và các tính năng

Máy chiếu có các menu Hiển thị trên màn hình đa ngữ cho phép bạn điều chỉnh hình ảnh và thay đổi nhiều cài đặt. Máy chiếu sẽ tự động phát hiện nguồn đó.

1. Để mở menu OSD, hãy nhấn giữ nút  trên điều khiển từ xa.
2. Khi menu OSD hiển thị, sử dụng các phím ▲▼ để chọn bất kỳ mục nào trong menu chính. Trong khi thực hiện lựa chọn trên một trang cụ thể, nhấn nút ← trên điều khiển từ xa để vào menu phụ.
3. Sử dụng các phím ◀▶ để chọn mục mong muốn trong menu phụ rồi nhấn nút ← để xem thêm các cài đặt khác. Chỉnh cài đặt bằng các phím ◀▶.
4. Chọn mục được điều chỉnh tiếp theo trong menu con và điều chỉnh như mô tả ở trên.
5. Nhấn nút ← để xác nhận và màn hình sẽ trở về menu chính.
6. Để thoát, hãy nhấn lại nút . Menu OSD sẽ đóng và máy chiếu sẽ tự động lưu các cài đặt mới.



# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

## Sơ đồ menu OSD

**Lưu ý:** Các mục và tính năng sơ đồ menu OSD tùy thuộc vào mẫu và khu vực. Optoma bảo lưu quyền thêm hoặc bỏ mục để cải thiện hiệu năng của sản phẩm mà không cần báo trước.

Menu chính	Menu phụ 1	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Menu phụ 4	Giá trị		
Display (HIỂN THỊ)	Image Settings (Điều chỉnh hình ảnh)	Display Mode (Chế độ hiển thị)	Chế độ [Video]		Cinema (Rạp chiếu)		
					Film (Phim)		
					HDR		
					HLG		
					HDR SIM.		
					Game (Trò chơi)		
					Reference (Tham khảo)		
					Bright (Sáng)		
					User (Người dùng)		
					3D		
					ISF Day (ISF ngày)		
					ISF Night (ISF đêm)		
					ISF 3D		
			Wall Color		Off (Tắt) [Chế độ mặc định]		
				Blackboard (Bảng đen)			
				Light Yellow			
				Light Green			
				Light Blue			
				Pink			
			Dynamic Range	HDR/HLG		Gray (Mức xám)	
					Off (Tắt)		
				HDR Picture Mode (Chế độ hình HDR)		Auto (Tự động) [Chế độ mặc định]	
						Bright (Sáng)	
						Standard (Tiêu chuẩn) [Chế độ mặc định]	
				HLG Picture Mode (Chế độ hình HLG)		Film (Phim)	
						Detail	
						Bright (Sáng)	
					HDR Brightness (Độ sáng HDR)		Standard (Tiêu chuẩn) [Chế độ mặc định]
							Film (Phim)
						Detail	
				0 ~ 10			
		Brightness (Độ sáng)			-50 ~ 50		
		Contrast (Độ tương phản)			-50 ~ 50		
		Sharpness (Độ sắc nét)			1 ~ 15		
		Color (Màu sắc)			-50 ~ 50		
		Tint (Sắc thái)			-50 ~ 50		

# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chính	Menu phụ 1	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Menu phụ 4	Giá trị			
Display (HIỂN THỊ)	Image Settings (Điều chỉnh hình ảnh)	Gamma	Film (Phim)					
			Video					
			Graphics (Đồ họa)					
			Standard(2.2) (Tiêu chuẩn(2.2))					
			1.8					
			2.0					
			2.4					
		Color Settings (Cài đặt màu sắc)	BrilliantColor™				1 ~ 10	
				Color Temp. (Mức độ màu)			Warm (Ấm)	
							Standard (Tiêu chuẩn)	
							Cool (Mát)	
			Color Matching (Tinh chỉnh màu)	Color (Màu sắc)			Red (Đỏ) [Chế độ mặc định]	
							Green (Lục)	
							Blue (Lam)	
							Cyan (Xanh ngọc)	
							Yellow (Vàng)	
							Magenta (Đỏ thẫm)	
							White (Trắng)(*)	
					Hue (Màu sắc)/ NS(*)			-50 ~ 50 [Chế độ mặc định: 0]
				Saturation (Độ bão hòa)/ NS(*)			-50 ~ 50 [Chế độ mặc định: 0]	
				Gain (Tăng cường)/ NS(*)			-50 ~ 50 [Chế độ mặc định: 0]	
				Reset (Thiết lập lại)			Cancel (Hủy) [Chế độ mặc định] Yes (Có)	
				Exit (Thoát)				
			RGB Gain/Bias (Tăng/Lệch RGB)	Red Gain (Tăng đỏ)				-50 ~ 50
				Green Gain (Tăng lục)				-50 ~ 50
				Blue Gain (Tăng lam)				-50 ~ 50
				Red Bias (Lệch đỏ)				-50 ~ 50
				Green Bias (Lệch lục)				-50 ~ 50
		Blue Bias (Độ lệch sắc lam)					-50 ~ 50	
		Reset (Thiết lập lại)					Cancel (Hủy) [Chế độ mặc định] Yes (Có)	
		Exit (Thoát)						
		Color Space (Không gian màu) (Không phải đầu vào HDMI)					Auto (Tự động) [Chế độ mặc định]	
					RGB			
					YUV			
Color Space (Không gian màu) (Đầu vào HDMI)					Auto (Tự động) [Chế độ mặc định]			
					RGB(0~255)			
					RGB(16~235)			
					YUV			

# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chính	Menu phụ 1	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Menu phụ 4	Giá trị	
Display (HIỂN THỊ)	Image Settings (Điều chỉnh hình ảnh)	Brightness Mode (Chế độ sáng)			DynamicBlack (Mức đen động)	
					Eco.	
					Constant Power (Năng lượng không đổi) Nguồn = 100%/95%/90%/85%/80%/75%/70%/65%/60%/55%/50%	
			Reset (Thiết lập lại)			Constant Luminance (Độ sáng không đổi) Công suất= 85%/80%/75%/70%
	Enhanced Gaming (Trò chơi nâng cao)				Off (Tắt)	
	3D	3D Mode (Chế độ 3D)			On (Bật)	
					Off (Tắt) [Chế độ mặc định]	
		3D Sync Invert (Chuyển đổi đồng bộ hóa 3D)			On (Bật)	
	Aspect Ratio (Tỉ lệ khung hình)				Off (Tắt) [Chế độ mặc định]	
					On (Bật)	
					4:3	
					16:9	
					21:9	
					32:9	
	Zoom (Thu phóng)				V-Stretch	
					Full screen (Toàn màn hình)	
	Image Shift (Dịch chuyển hình)	H (Ngang) <input type="checkbox"/>			Auto (Tự động)	
			V <input type="checkbox"/>		-5 ~ 25 [Chế độ mặc định: 0]	
	Geometric Correction (Hiệu chỉnh hình học)	Four Corners				
			H Keystone (Chỉnh vuông ngang)			-10 ~ 10 [Chế độ mặc định: 0]
V Keystone (Chỉnh vuông dọc)					-10 ~ 10 [Chế độ mặc định: 0]	
3x3 Warp (Cong 3x3)						
Reset (Thiết lập lại)						
Audio (Âm thanh)	Audio Mode (Chế độ âm thanh)				Speaker / Audio Out (Loa/Ngõ ra âm thanh) [Chế độ mặc định]	
					SPDIF / eARC	
	Mute (Tắt âm)				Off (Tắt) [Chế độ mặc định]	
Volume (Âm lượng)				On (Bật)		
Setup (Cài Đặt)	Projection (Trình chiếu)				0 ~ 10 [Chế độ mặc định: 5]	
					Phía trước	
					Phản phía sau	
					Trên-phía trên	
				Phía sau-phía trên		
	Power Settings (Điều chỉnh nguồn)	Direct Power On (Bật nguồn trực tiếp)				Off (Tắt) [Chế độ mặc định]
						On (Bật)
Signal Power On (Bật nguồn tín hiệu)					Off (Tắt) [Chế độ mặc định]	
Auto Power Off (min) (Tắt nguồn tự động (phút))				On (Bật)		
				0 ~ 180 (tăng 5 phút) [Chế độ mặc định: 20]		



# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chính	Menu phụ 1	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Menu phụ 4	Giá trị	
Setup (Cài Đặt)	Power Settings (Điều chỉnh nguồn)	Sleep Timer (min) (Hẹn giờ tắt máy (phút))	Always On		0 ~ 990 (tăng thêm 30 phút) [Chế độ mặc định: 0]	
					No (Không) [Chế độ mặc định]	
					Yes (Có)	
			Power Mode (Standby) (Chế độ nguồn (Chờ))			Active (Hoạt động) (SmartHome)
					Eco. [Chế độ mặc định]	
					Off (Tắt) [Chế độ mặc định]	
		USB Power (Standby) (Nguồn USB (Chế độ chờ))			On (Bật)	
					Off (Tắt)	
					On (Bật)	
	Security (Bảo mật)	Security (Bảo mật)				Off (Tắt)
						On (Bật)
			Security Timer (Hẹn giờ bảo mật)	Month (Tháng)		
			Day (Ngày)			
			Hour (Giờ)			
		Change Password (Đổi mật khẩu)				[Chế độ mặc định: 1234]
	HDMI Link Settings (Thiết lập liên kết HDMI)	HDMI Link				Off (Tắt) [Chế độ mặc định]
						On (Bật)
		Inclusive of TV (Bao gồm TV)				No (Không) [Chế độ mặc định]
						Yes (Có)
		Power On Link (Liên kết cho bật nguồn)				Mutual (Liên kết tương hỗ) [Chế độ mặc định]
					PJ --> Device (PJ --> Thiết bị)	
					Device --> PJ (Thiết bị --> PJ)	
		Power Off Link (Liên kết cho tắt nguồn)				Off (Tắt) [Chế độ mặc định]
						On (Bật)
	Test Pattern (Mẫu thử)					Green Grid (Khung lưới xanh)
						Magenta Grid (Khung lưới đỏ thẫm)
						White Grid (Khung lưới trắng)
						White (Trắng)
						Off (Tắt)
	Remote Settings (Thiết lập điều khiển)	User 1 (Người sử dụng 1)				Đã sửa lỗi khi "Tiêu điểm thu nhỏ"
		User 2 (Người sử dụng 2)				Đã sửa lỗi "Tiêu điểm phóng to"
		User 3 (Người sử dụng 3)				Đã sửa lỗi khi kết nối "HDMI3"
	Projector ID (Mã nhận dạng (ID))					00 ~ 99
	Focus (Tiêu điểm)					(Nhấn Trái hoặc Phải)
	Eye Protection Sensor (Cảm biến bảo vệ mắt)					On (Bật) [Chế độ mặc định]
						Off (Tắt)
Options (Lựa chọn)	Language (Ngôn ngữ)				English [Chế độ mặc định]	
					Deutsch	
					Français	
					Italiano	
					Español	
					Português	
					简体中文	
					繁體中文	
					日本語	
					한국어	
					Русский	

# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chính	Menu phụ 1	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Menu phụ 4	Giá trị	
Setup (Cài Đặt)	Options (Lựa chọn)	Menu Settings (Tùy chỉnh Menu)	Menu Location (Vị trí thực đơn)		Trái trên	
					Phải trên	
					Giữa  [Chế độ mặc định]	
					Trái dưới	
					Phải dưới	
			Menu Timer		Off (Tắt)	
				5 giây		
				10 giây [Chế độ mặc định]		
			Auto Source (Dò nguồn tự động)		Off (Tắt) [Chế độ mặc định]	
					On (Bật)	
			Input Source (Nguồn tín hiệu vào)		HDMI1	
					HDMI2	
					HDMI3	
			Input Name (Nhập tên)		HDMI1	Default (Mặc định) [Chế độ mặc định] / Custom (Tùy chỉnh)
				HDMI2	Default (Mặc định) [Chế độ mặc định] / Custom (Tùy chỉnh)	
				HDMI3	Default (Mặc định) [Chế độ mặc định] / Custom (Tùy chỉnh)	
		High Altitude (Điều chỉnh tốc độ quạt)			Off (Tắt) [Chế độ mặc định]	
					On (Bật)	
			Display Mode Lock (Khoá chế độ hiển thị)			Off (Tắt) [Chế độ mặc định]
						On (Bật)
		Information Hide (Ẩn thông tin)			Off (Tắt) [Chế độ mặc định]	
					On (Bật)	
		Logo (Biểu tượng)			Default (Mặc định) [Chế độ mặc định]	
					Neutral (Trung lập)	
		Background Color (Màu nền)			None (Không) [Mặc định cho Video/Pro-AV]	
					Blue (Lam) [Mặc định cho Mẫu dữ liệu]	
					Red (Đỏ)	
				Green (Lục)		
				Gray (Mức xám)		
	Reset (Thiết lập lại)	Reset OSD (Cài đặt OSD)			Cancel (Hủy) [Chế độ mặc định]	
					Yes (Có)	
		Reset to Default (Cài về mặc định)			Cancel (Hủy) [Chế độ mặc định]	
					Yes (Có)	
Info. (Th.tin)	Regulatory (Điều khiển)					
	Serial Number (Số Seri)					
	Source (Nguồn tín hiệu)					
	Resolution (Độ phân giải)				00x00	
	Refresh Rate (Tốc độ cập nhật)				0,00Hz	
	Display Mode (Chế độ hiển thị)					
	Projector ID (Mã nhận dạng (ID))				00~99	
	Brightness Mode (Chế độ sáng)					
	FW Version (Phiên bản FW)	System (Hệ thống)				
		MCU				

**Lưu ý:** Các chức năng sẽ khác nhau tùy vào định nghĩa của từng mẫu máy chiếu.

# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

## Menu hiển thị

### Menu Cài đặt hình

#### Display Mode (Chế độ hiển thị)

Bạn có thể chọn một vài chế độ hiển thị được định sẵn để có hình ảnh phù hợp với bạn. Mỗi chế độ đều được tinh chỉnh kỹ càng bởi đội ngũ chuyên gia màu sắc của chúng tôi để đảm bảo hiệu năng màu ưu việt cho nhiều loại nội dung đa dạng.

- **Cinema (Rạp chiếu):** Đem đến cân bằng hoàn hảo nhất giữa chi tiết và màu sắc khi xem phim.
- **HDR:** Đem đến màu sắc chân thực, vượt xa khả năng hiển thị màu của các chế độ hiển thị khác. Chế độ này mã hóa và hiển thị nội dung Dải Tương Phản Động Rộng (HDR) đối với các màu đen sâu nhất, màu trắng sáng nhất và màu sắc điện ảnh sống động bằng gam màu REC.2020.  
**Lưu ý:** Chế độ này sẽ tự động được bật nếu đặt HDR sang Auto (Tự động) (và gửi nội dung HDR đến máy chiếu - 4K UHD Blu-ray, trò chơi 1080p/4K UHD HDR, video phát trực tuyến 4K UHD). Khi chế độ HDR đang hoạt động, tất cả các chế độ hiển thị khác sẽ bị xám mờ.
- **HLG:** Đem đến màu sắc chân thực, vượt xa khả năng hiển thị màu của các chế độ hiển thị khác. Chế độ này mã hóa và hiển thị nội dung Nhật ký lai (HLG) cho màu đen sâu nhất, màu trắng sáng nhất và màu sắc điện ảnh sống động bằng gam màu REC.2020.  
**Lưu ý:** Chế độ này sẽ được bật tự động nếu đặt HDR sang Auto (Tự động) (và gửi nội dung HLG đến máy chiếu). Khi chế độ HLG đang hoạt động, tất cả các chế độ hiển thị khác sẽ bị xám mờ.
- **HDR SIM.:** Nâng cao nội dung không phải HDR với Dải Tương Phản Động Rộng được mô phỏng (HDR). Chọn chế độ này để nâng cao gamma, độ tương phản và độ bão hòa màu cho nội dung không phải HDR (Truyền phát/Truyền hình cáp 720p và 1080p, 1080p Blu-ray, game không phải HDR, v.v...).  
**Lưu ý:** Chế độ này CHỈ có thể được sử dụng với nội dung không phải HDR.
- **Game (Trò chơi):** Tối ưu hóa máy chiếu của bạn để có độ tương phản tối đa và màu sắc rực rỡ, để bạn có thể nhìn thấy chi tiết bóng khi chơi game.  
**Lưu ý:** Không thể dùng chế độ hiển thị này khi xem nội dung video HDR hoặc chơi game HDR. Để bật độ trễ đầu vào thấp, hãy đảm bảo rằng PC hoặc máy chơi game của bạn kết nối qua HDMI1 và bật Chế độ chơi game nâng cao.
- **Reference (Tham khảo):** Chế độ này tái tạo màu sắc theo sát ý tưởng mà đạo diễn phim mong muốn nhất. Các cài đặt màu, mức độ màu, độ sáng, độ tương phản và gamma đều được định cấu hình theo gam màu Rec.709. Chọn chế độ này để có được màu sắc chuẩn xác nhất để xem phim.
- **Bright (Sáng):** Chế độ này phù hợp cho môi trường mà cần có mức sáng rất cao, như dùng máy chiếu trong căn phòng nhiều ánh sáng.
- **User (Người dùng):** Ghi nhớ cài đặt do người dùng đặt, điều chỉnh cài đặt chế độ hiển thị cho riêng bạn.
- **3D:** Các cài đặt được tối ưu để xem nội dung 3D.  
**Lưu ý:** Để trải nghiệm hiệu ứng 3D, bạn cần có kính tương thích DLP Link 3D. Xem phần 3D để có thêm thông tin.
- **ISF Day (ISF ngày):** Lưu lại các cài đặt hình ảnh đã được tinh chỉnh chuyên nghiệp, tối ưu để xem ban ngày.
- **ISF Night (ISF đêm):** Lưu lại các cài đặt hình ảnh đã được tinh chỉnh chuyên nghiệp, tối ưu để xem lúc tối.
- **ISF 3D:** Lưu lại các cài đặt hình ảnh đã được tinh chỉnh chuyên nghiệp, tối ưu để xem bằng 3D.

#### **Lưu ý:**

- Các chế độ ISF cần phải được tinh chỉnh chuyên nghiệp. Để mở khóa và truy cập các chế độ ISF, bạn sẽ cần phải nhập mã sau bằng điều khiển hoặc bàn phím: Nguồn > Lên > Xuống > Lên > Lên.
- Chế độ ISF chỉ khả dụng ở chế độ Video.

# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

- Nếu đã bật HDR hoặc HLG, các tùy chọn Cinema (Rạp chiếu), Film (Phim), Vivid (Rực rỡ), Game (Trò chơi), Reference (Tham khảo) và Bright (Sáng) sẽ chuyển sang màu xám.

## **Wall Color**

Được thiết kế để điều chỉnh màu của hình ảnh được trình chiếu lên tường mà không có tấm nền. Mỗi chế độ đều được tinh chỉnh kỹ càng bởi đội ngũ chuyên gia màu sắc của chúng tôi để đảm bảo hiệu năng màu ưu việt. Bạn có thể chọn một vài chế độ được định sẵn để có hình ảnh phù hợp màu tường của bạn. Chọn giữa Off (Tắt), Blackboard (Bảng đen), Light Yellow, Light Green, Light Blue, Pink, và Gray (Mức xám).

**Lưu ý:** Để tái tạo màu sắc chính xác, bạn nên sử dụng màn hình.

## **Dynamic Range**

Định cấu hình cài đặt Dải Động Cao (HDR) và hiệu ứng liên quan khi hiển thị video từ đầu đĩa Blu-ray 4K và thiết bị truyền video.

### ➤ **HDR/HLG**

- **Off (Tắt):** Tắt tiến trình xử lý HDR hoặc HLG. Khi được đặt sang Off (Tắt), máy chiếu sẽ KHÔNG giải mã nội dung HDR hoặc HLG.
- **Auto (Tự động):** Tự động phát hiện tín hiệu HDR.

### ➤ **HDR Picture Mode (Chế độ hình HDR)**

- **Bright (Sáng):** Chọn chế độ này để màu sắc sáng và bão hòa hơn.
- **Standard (Tiêu chuẩn):** Chọn chế độ này cho các màu trông tự nhiên với sự cân bằng của các tông màu ấm và nguội.
- **Film (Phim):** Chọn chế độ này để cải thiện chi tiết và độ sắc nét hình ảnh.
- **Detail:** Tín hiệu đến từ việc chuyển đổi OETF để đạt độ phối màu tối ưu.

### ➤ **HLG Picture Mode (Chế độ hình HLG)**

- **Bright (Sáng):** Chọn chế độ này để màu sắc sáng và bão hòa hơn.
- **Standard (Tiêu chuẩn):** Chọn chế độ này cho các màu trông tự nhiên với sự cân bằng của các tông màu ấm và nguội.
- **Film (Phim):** Chọn chế độ này để cải thiện chi tiết và độ sắc nét hình ảnh.
- **Detail:** Tín hiệu đến từ việc chuyển đổi OETF để đạt độ phối màu tối ưu.

### ➤ **HDR Brightness (Độ sáng HDR)**

- Điều chỉnh mức độ sáng của HDR.

## **Brightness (Độ sáng)**

Điều chỉnh độ sáng của hình ảnh.

## **Contrast (Độ tương phản)**

Độ tương phản điều chỉnh mức độ khác nhau giữa các phần sáng nhất và tối nhất của hình.

## **Sharpness (Độ sắc nét)**

Điều chỉnh độ sắc nét hình ảnh.

## **Color (Màu sắc)**

Điều chỉnh hình ảnh video từ đen trắng sang màu bão hòa hoàn toàn.

## **Tint (Sắc thái)**

Điều chỉnh độ cân bằng màu đỏ và xanh lục.

# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

## Gamma

Cài đặt dạng cong gamma. Sau khi hoàn thành thiết lập ban đầu và tinh chỉnh, hãy sử dụng các bước Điều chỉnh gamma để tối ưu hóa đầu ra hình ảnh của bạn.

- **Film (Phim):** Cho nhà hát tại gia.
- **Video:** Cho nguồn video hoặc TV.
- **Graphics (Đồ họa):** Cho nguồn PC/Ảnh.
- **Standard(2.2) (Tiêu chuẩn(2.2)):** Cho cài đặt chuẩn hóa.
- **1.8 / 2.0 / 2.4:** Cho nguồn PC/Ảnh cụ thể. 2.4 cũng có thể được dùng cho nội dung video và các game để đạt độ tương phản sâu hơn.

## Color Settings (Cài đặt màu sắc)

Định cấu hình cài đặt màu sắc.

- **BrilliantColor™:** Mục có thể điều chỉnh này sử dụng thuật toán xử lý màu và tăng cường để cho độ sáng cao hơn mà vẫn tạo ra màu sắc sống động, trung thực trong hình ảnh.
- **Color Temp. (Mức độ màu):** Chọn nhiệt độ màu từ Warm (Ấm), Standard (Tiêu chuẩn), Cool (Mát), Cold (Lạnh).
- **Color Matching (Tinh chỉnh màu):** Chọn các tùy chọn sau:
  - Color (Màu sắc): Chỉnh mức Đỏ (R), Lục (G), Lam (B), Xanh ngọc (C), Vàng (Y), Đỏ thẫm (M) và Trắng (W) cho hình.
  - Hue (Màu sắc): Điều chỉnh độ cân bằng màu đỏ và xanh lục.
  - Saturation (Độ bão hòa): Điều chỉnh hình ảnh video từ đen trắng sang màu bão hòa hoàn toàn.
  - Gain (Tăng cường): Chỉnh độ sáng hình.
  - Reset (Thiết lập lại): Trở về cài đặt mặc định gốc cho Tinh chỉnh màu.
  - Exit (Thoát): Thoát menu "Color Matching (Tinh chỉnh màu)".
- **RGB Gain/Bias (Tăng/Lệch RGB):** Cài đặt này cho phép cài đặt độ sáng (tăng cường) và độ tương phản (độ lệch) của hình.
  - Reset (Thiết lập lại): Trở về cài đặt mặc định gốc cho Tăng cường/Lệch RGB.
  - Exit (Thoát): Thoát menu "RGB Gain/Bias (Tăng/Lệch RGB)".
- **Color Space (Không gian màu):** Chọn loại khuôn màu thích hợp từ tùy chọn sau: Auto (Tự động), RGB(0-255), RGB(16-235) và YUV.

## Brightness Mode (Chế độ sáng)

Chỉnh cài đặt chế độ độ sáng.

- **DynamicBlack (Mức đen động):** Dùng để tự động chỉnh độ sáng hình ảnh nhằm đạt hiệu suất độ tương phản tối ưu.
- **Eco.:** Chọn "Eco." để giảm độ sáng đi-ốt laser máy chiếu vốn sẽ giảm thiểu mức tiêu thụ điện và kéo dài tuổi thọ đi-ốt laser.
- **Constant Power (Năng lượng không đổi):** Chọn tỷ lệ nguồn điện cho chế độ độ sáng.
- **Constant Luminance (Độ sáng không đổi):** Độ sáng không đổi thay đổi cường độ độ sáng LD để độ sáng luôn ổn định.

## Reset (Thiết lập lại)

Trở về cài đặt mặc định gốc cho Cài đặt màu sắc.

# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

## Menu chơi game nâng cao

Bật tính năng này để giảm thời gian phản hồi (độ trễ đầu vào) xuống 4,5ms\* trong khi chơi game.

### Lưu ý:

- Chỉ hỗ trợ cho HDMI1.
- \*Chỉ áp dụng cho các tín hiệu 1080p 240Hz.
- Độ trễ đầu vào của các tín hiệu được mô tả trong bảng sau:
- Các giá trị trong bảng có thể khác nhau một chút.

Định giờ nguồn phát	Trò chơi nâng cao	Đầu ra	Độ phân giải đầu ra	Độ trễ đầu vào
1080p60	On (Bật)	1080p60	1080p	17ms
1080p120	On (Bật)	1080p120	1080p	8.6ms
1080p240	On (Bật)	1080p240	1080p	4.4ms
4K60	On (Bật)	4K60	4K	16.9ms
1080p60	Off (Tắt)	1080p60	1080p	33.8ms
1080p120	Off (Tắt)	1080p120	1080p	17ms
1080p240	Off (Tắt)	1080p240	1080p	8.6ms
4K60	Off (Tắt)	4K60	4K	33.7ms

- Hãy lưu ý rằng nếu đã bật chế độ “Enhanced Gaming (Trò chơi nâng cao)”, các chức năng Aspect Ratio (Tỉ lệ khung hình), Zoom (Thu phóng), Image Shift (Dịch chuyển hình), Four Corners và H/V Keystone (Chỉnh vuông hình ngang/dọc) sẽ bị tắt tự động. Các chức năng này sẽ được bật lại nếu bạn tắt chế độ “Enhanced Gaming (Trò chơi nâng cao)”.

## Menu 3D

### 3D Mode (Chế độ 3D)

Dùng tùy chọn này để bật/tắt chức năng chế độ 3D.

### 3D Sync Invert (Chuyển đổi đồng bộ hóa 3D)

Dùng tùy chọn này để bật/tắt chức năng chuyển đổi đồng bộ 3D.

## Menu Tỉ lệ khung hình

Chọn tỉ lệ khung hình của hình chiếu trong số các tùy chọn sau:

- **4:3:** Định dạng này áp dụng cho nguồn đầu vào 4:3.
- **16:9/21:9/32:9:** Các định dạng này là cho nguồn vào 16:9/21:9/32:9 như HDTV và DVD nâng cao cho TV màn hình rộng.
- **V-Stretch:** Chế độ này kéo giãn hình ảnh 2,35:1 theo chiều dọc, loại bỏ các thanh màu đen.
- **Full screen (Toàn màn hình):** Sử dụng tỷ lệ khung hình 2,0:1 đặc biệt này để hiển thị phim theo cả hai tỷ lệ khung hình 16:9 và 2,35:1 mà không có thanh màu đen ở trên và dưới màn hình.
- **Auto (Tự động):** Tự động chọn định dạng hiển thị phù hợp.

### Lưu ý:

- Tùy chọn “Aspect Ratio (Tỉ lệ khung hình)” sẽ chuyển sang màu xám nếu bạn bật các chức năng Enhanced Gaming (Trò chơi nâng cao), 3x3 Warp (Cong 3x3) hoặc Four Corners.
- Thông tin chi tiết về chế độ V-Stretch:
  - Một số DVD định dạng hộp thư không được nâng cao cho tivi khổ 16x9. Trong trường hợp này, hình ảnh trông sẽ không ổn khi hiển thị ở chế độ 16:9. Trong trường hợp này, hãy thử dùng chế độ 4:3 để xem DVD. Nếu nội dung không phải là 4:3 thì sẽ có các thanh đen hiển thị xung quanh hình ảnh ở màn hình 16:9. Đối với loại nội dung này, bạn có thể sử dụng chế độ V-Stretch để lấp đầy hình ảnh trên màn hình 16:9.
  - Nếu bạn sử dụng thấu kính giãn hình lắp ngoài, chế độ V-Stretch này cũng cho phép bạn xem nội dung 2,35:1 (bao gồm nguồn phim DVD và HDTV giãn hình). Chế độ này hỗ trợ tính năng

# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

giãn hình rộng được nâng cao cho Hiển thị 16x9 ở hình ảnh rộng 2,35:1. Trong trường hợp này sẽ không có thanh đen nào. Nguồn ánh sáng và độ phân giải dọc được sử dụng đầy đủ.

- Để sử dụng định dạng Toàn màn hình, hãy làm như sau:
  - Đặt tỷ lệ khung hình màn hình thành 2,0:1.
  - Lựa chọn định dạng "Full screen (Toàn màn hình)".
  - Căn chỉnh chính xác hình ảnh máy chiếu trên màn hình.

## Quy tắc ánh xạ cho DMD (thiết bị phản chiếu siêu nhỏ kỹ thuật số) 4K UHD:

Màn hình 16:9	480i/p	576i/p	720p	1080i/p	2160p
4x3	Chia tỉ lệ thành 2880 x 2160				
16x9	Chia tỉ lệ thành 3840 x 2160				
21x9	Chia tỉ lệ thành 3840 x 1644				
32x9	Chia tỉ lệ thành 3840 x 1080				
V-Stretch	Lấy hình ảnh trung tâm 3840 x 1620 và sau đó chia tỉ lệ hiển thị thành 3840 x 2160				
Full screen (Toàn màn hình)	Chia tỉ lệ thành 5068 x 2852 (Phóng to 132%), sau đó lấy hình ảnh hiển thị trung tâm ở mức 3840 x 2160 <b>Lưu ý:</b> Người dùng cuối có thể sử dụng định dạng này để xem nội dung không phụ đề của nguồn tín hiệu 2,35:1 nhằm hoàn thành 100% UHD DMD.				
Auto (Tự động)	- Nếu nguồn tín hiệu có tỉ lệ 4:3 thì hãy tự chỉnh kích thước sang 2880 x 2160 - Nếu nguồn tín hiệu có tỉ lệ 16:9 thì hãy tự chỉnh kích thước sang 3840 x 2160 - Nếu nguồn tín hiệu có tỉ lệ 15:9 thì hãy tự chỉnh kích thước sang 3600 x 2160 - Nếu nguồn tín hiệu có tỉ lệ 16:10 thì hãy tự chỉnh kích thước sang 3456 x 2160				

## Quy tắc tự bố trí:

	Độ phân giải đầu vào		Tự động/Chia tỉ lệ	
	Độ phân giải ngang	Độ phân giải dọc	3840	2160
4:3	800	600	2880	2160
	1024	768	2880	2160
	1280	1024	2880	2160
	1400	1050	2880	2160
	1600	1200	2880	2160
Laptop màn hình rộng	1280	720	3840	2160
	1280	768	3600	2160
	1280	800	3456	2160
SDTV	720	576	2700	2160
	720	480	3240	2160
HDTV	1280	720	3840	2160
	1920	1080	3840	2160

# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

## Menu thu phóng

Sử dụng để thu nhỏ hoặc phóng to hình trên màn hình chiếu.

**Lưu ý:** Các cài đặt thu phóng vẫn được giữ lại khi tắt đi và bật lại máy chiếu.

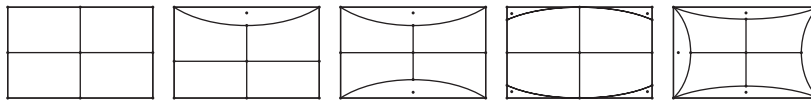
## Menu Chuyển hình

Điều chỉnh vị trí hình chiếu theo chiều ngang (H (Ngang)) hoặc dọc (V).

**Lưu ý:** Kích thước hình sẽ giảm một ít khi chỉnh vuông hình ngang và dọc.

## Menu Hiệu chỉnh hình học

- **Four Corners:** Cài đặt này cho phép hình ảnh được chiếu được điều chỉnh từ mỗi góc để tạo hình ảnh vuông góc khi mặt phẳng chiếu không phẳng.  
**Lưu ý:** Trong khi điều chỉnh Four Corners, các menu Zoom (Thu phóng), Aspect Ratio (Tỉ lệ khung hình), Image Shift (Dịch chuyển hình) và Cong 3x3 sẽ bị tắt. Để bật Zoom (Thu phóng), Aspect Ratio (Tỉ lệ khung hình) và Image Shift (Dịch chuyển hình), hãy đặt lại các cài đặt Four Corners về mặc định góc.
- **H Keystone (Chỉnh vuông ngang):** Điều chỉnh độ méo hình ảnh theo chiều ngang và tạo hình ảnh vuông. Chỉnh vuông hình ngang được dùng để chỉnh sửa hình chiếu méo có biên bên trái và bên phải không đều nhau. Chức năng này nhằm mục đích sử dụng với các ứng dụng trực ngang.
- **V Keystone (Chỉnh vuông dọc):** Điều chỉnh độ méo hình ảnh theo chiều dọc và tạo hình ảnh vuông. Chỉnh vuông hình dọc được dùng để chỉnh sửa hình chiếu méo có biên phía trên và dưới bị nghiêng về một bên. Chức năng này nhằm mục đích sử dụng với các ứng dụng trực dọc.
- **3x3 Warp (Cong 3x3):** Điều chỉnh ảnh bị méo bằng cách sửa 9 điểm.



- **Reset (Thiết lập lại):** Trở về các cài đặt mặc định gốc cho cài đặt hiệu chỉnh hình học.

**Lưu ý:** Khi sử dụng Chế độ chơi game nâng cao thì các menu Four Corner, Chỉnh vuông hình ngang, Chỉnh vuông hình dọc và Cong 3x3 sẽ bị tắt do các cài đặt này ảnh hưởng đến độ trễ đầu vào. Nếu bạn có ý định sử dụng Chế độ chơi game nâng cao để có độ trễ đầu vào thấp, chúng tôi khuyến nghị nên cài đặt máy chiếu mà không sử dụng Four Corner, Chỉnh vuông hình ngang, Chỉnh vuông hình dọc và Cong 3x3.



# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

## Menu Âm thanh

### Audio Mode (Chế độ âm thanh)

Chọn chế độ âm thanh thích hợp.

#### **Lưu ý:**

- Chế độ âm thanh đã chọn áp dụng cho tất cả các nguồn:
- Máy chiếu tự động phát hiện chế độ Loa / Đầu ra âm thanh.
- Chức năng eARC chỉ được hỗ trợ với nguồn tín hiệu HDMI1.
- Nếu định dạng âm thanh đầu vào hiện tại không phải là PCM, hệ thống sẽ đồng bộ hóa lại sau khi chế độ âm thanh đã thay đổi.

### Mute (Tắt âm)

Dùng tùy chọn này để tạm tắt âm.

- **Off (Tắt):** Chọn "Off (Tắt)" để tắt tiếng.
- **On (Bật):** Chọn "On (Bật)" để mở tiếng.

**Lưu ý:** Chức năng tắt âm ảnh hưởng đến cả âm lượng loa trong và loa ngoài.

### Volume (Âm lượng)

Chỉnh mức âm lượng.

## Menu thiết lập

### Projection (Trình chiếu)

Chọn trình chiếu ưa thích giữa phía trước, phía sau, trần-phía trên và phía sau-phía trên.

### Power Settings (Điều chỉnh nguồn)

Định cấu hình cài đặt nguồn.

- **Direct Power On (Bật nguồn trực tiếp):** Chọn "On (Bật)" để kích hoạt chế độ Nguồn trực tiếp. Máy chiếu sẽ tự động bật nguồn khi được có nguồn điện AC mà không cần ấn nút "Nguồn" trên bàn phím máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa.
- **Signal Power On (Bật nguồn tín hiệu):** Chọn "On (Bật)" để kích hoạt chế độ Nguồn tín hiệu. Máy chiếu sẽ tự động bật nguồn khi tín hiệu đã được phát hiện, mà không cần nhấn phím "Nguồn" trên bàn phím máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa.

#### **Lưu ý:**

- Nếu "On (Bật)" tùy chọn "Signal Power On (Bật nguồn tín hiệu)", mức tiêu thụ điện của máy chiếu ở chế độ chờ sẽ lớn hơn 3W.
- Chức năng này có thể được áp dụng với nguồn tín hiệu HDMI.
- Mỗi lần, "Signal Power On (Bật nguồn tín hiệu)" chỉ hỗ trợ 1 cổng.
- **Auto Power Off (min) (Tắt nguồn tự động (phút)):** Đặt thời gian cho bộ đếm giờ ngược. Bộ đếm giờ ngược sẽ bắt đầu chạy khi không có tín hiệu nào được gửi đến máy chiếu. Máy chiếu sẽ tự động tắt nguồn khi hết thời gian đếm ngược (tính theo phút).
- **Sleep Timer (min) (Hẹn giờ tắt máy (phút)):** Định cấu hình hẹn giờ tắt máy.
  - Sleep Timer (min) (Hẹn giờ tắt máy (phút)): Đặt thời gian cho bộ đếm giờ ngược. Bộ đếm giờ ngược sẽ bắt đầu chạy khi có hoặc không có tín hiệu nào được gửi đến máy chiếu. Máy chiếu sẽ tự động tắt nguồn khi hết thời gian đếm ngược (tính theo phút).

**Lưu ý:** Hẹn giờ tắt máy sẽ được cài lại mỗi khi tắt nguồn máy chiếu.

- Always On: Chọn để luôn bật hẹn giờ tắt máy.

# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

- **Power Mode (Standby) (Chế độ nguồn (Chờ)):** Thiết lập cài đặt chế độ nguồn.
  - Active (Hoạt động): Chọn "Active (Hoạt động)" để trở về chế độ chờ bình thường.
  - Eco.: Chọn "Eco." để tiết kiệm thêm mức phân tán điện < 0,5W.
- **USB Power (Standby) (Nguồn USB (Chế độ chờ)):** Bật hoặc tắt chức năng nguồn USB khi máy chiếu đang ở chế độ chờ.

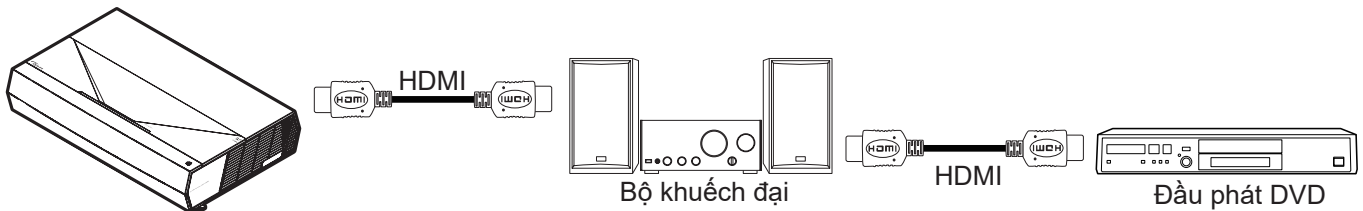
## Security (Bảo mật)

Thiết lập cài đặt bảo mật.

- **Security (Bảo mật):** Bật chức năng này để nhắc nhập mật khẩu trước khi sử dụng máy chiếu.
    - Off (Tắt): Chọn "Off (Tắt)" để có thể bật máy chiếu mà không cần xác minh mật khẩu.
    - On (Bật): Chọn "On (Bật)" để sử dụng xác minh bảo mật khi bật máy chiếu.
- Lưu ý:** Mật khẩu mặc định là 1234.
- **Security Timer (Hẹn giờ bảo mật):** Có thể chọn chức năng thời gian (Month (Tháng) /Day (Ngày) /Hour (Giờ) ) để đặt số giờ máy chiếu có thể được sử dụng. Một khi thời gian này đã qua, bạn sẽ được yêu cầu nhập lại mật khẩu.
  - **Change Password (Đổi mật khẩu):** Dùng để đặt hoặc sửa đổi mật khẩu khi bật máy chiếu.

## HDMI Link Settings (Thiết lập liên kết HDMI)

**Lưu ý:** Khi kết nối các thiết bị tương thích chuẩn HDMI CEC với máy chiếu bằng các cáp HDMI, bạn có thể kiểm soát chúng trên cùng tình trạng Bật nguồn hoặc Tắt nguồn qua tính năng kiểm soát Liên kết HDMI trên menu OSD của máy chiếu. Tùy chọn này cho phép bật nguồn hoặc tắt nguồn một thiết bị hoặc nhiều thiết bị trong một nhóm qua Tính năng Liên kết HDMI trong cấu hình chuẩn và đầu phát DVD của bạn có thể được kết nối với máy chiếu thông qua bộ âm li hoặc hệ thống nhà hát tại gia.



- **HDMI Link:** Bật/tắt chức năng Liên kết HDMI.
- **Inclusive of TV (Bao gồm TV):** Nếu được đặt thành "Yes (Có)" thì sẽ có tùy chọn liên kết bật nguồn và tắt nguồn..
- **Power On Link (Liên kết cho bật nguồn):** Lệnh bật nguồn CEC.
  - Mutual (Liên kết tương hỗ): Cả máy chiếu và thiết bị CEC sẽ được bật cùng một lúc.
  - PJ --> Device (PJ --> Thiết bị): Thiết bị CEC sẽ chỉ được bật sau khi máy chiếu được bật.
  - Device --> PJ (Thiết bị --> PJ): Máy chiếu sẽ chỉ được bật sau khi thiết bị CEC được bật.
- **Power Off Link (Liên kết cho tắt nguồn):** Bật chức năng này để tự động tắt cả Liên kết HDMI và máy chiếu cùng một lúc.

## Test Pattern (Mẫu thử)

Chọn mẫu kiểm tra từ Green Grid (Khung lưới xanh), Magenta Grid (Khung lưới đỏ thẫm), White Grid (Khung lưới trắng), White (Trắng) hoặc tắt chức năng này (Off (Tắt)).

## Remote Settings (Thiết lập điều khiển)

- **User 1 (Người sử dụng 1):** Đã sửa lỗi khi "Tiêu điểm thu nhỏ".
- **User 2 (Người sử dụng 2):** Đã sửa lỗi khi "Tiêu điểm phóng to".
- **User 3 (Người sử dụng 3):** Đã sửa lỗi khi kết nối "HDMI3".

# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

## Projector ID (Mã nhận dạng (ID))

Có thể thiết lập định nghĩa Mã nhận dạng (ID) qua menu (biên độ từ 0-99), và cho phép người dùng điều khiển máy chiếu cá nhân bằng lệnh RS232.

## Focus (Tiêu điểm)

Nhấn nút **User1** hoặc **User2** trên điều khiển từ xa để tự động điều chỉnh tiêu điểm.

## Eye Protection Sensor (Cảm biến bảo vệ mắt)

Bật cảm biến bảo vệ mắt để tạm tắt ánh sáng khi có các đối tượng ở quá gần chùm tia máy chiếu.

## Options (Lựa chọn)

Thiết lập các tùy chọn của máy chiếu

- **Language (Ngôn ngữ):** Chọn menu OSD đa ngôn ngữ cho tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Pháp, tiếng Ý, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Trung giản thể, tiếng Trung phồn thể, tiếng Nhật, tiếng Hàn và tiếng Nga.
- **Menu Settings (Tùy chỉnh Menu):** Đặt vị trí menu trên màn hình và định cấu hình cài đặt hẹn giờ menu.
  - Menu Location (Vị trí thực đơn): Chọn vị trí menu trên màn hình hiển thị.
  - Menu Timer: Cài thời lượng nơi mà menu OSD vẫn hiển thị trên màn hình.
- **Auto Source (Dò nguồn tự động):** Chọn tùy chọn này để cho phép máy chiếu tự động tìm nguồn đầu vào khả dụng.
- **Input Source (Nguồn tín hiệu vào):** Chọn nguồn đầu vào giữa HDMI1, HDMI2 và HDMI3.
- **Input Name (Nhập tên):** Dùng để đổi tên nguồn vào để dễ nhận dạng hơn. Các tùy chọn có sẵn bao gồm HDMI1, HDMI2 và HDMI3.
- **High Altitude (Điều chỉnh tốc độ quạt):** Khi chọn "On (Bật)", các quạt sẽ quay mạnh hơn. Tính năng này hữu ích tại các khu vực có nhiều độ cao nơi mà ít không khí.
- **Display Mode Lock (Khoá chế độ hiển thị):** Chọn "On (Bật)" hoặc "Off (Tắt)" để khoá hoặc mở khoá chức năng chỉnh cài đặt chế độ hiển thị.
- **Information Hide (Ẩn thông tin):** Bật chức năng này để ẩn thông báo thông tin.
  - **Off (Tắt):** Chọn "Off (Tắt)" để hiển thị thông báo "đang tìm kiếm".
  - **On (Bật):** Chọn "On (Bật)" để ẩn thông tin.
- **Logo (Biểu tượng):** Sử dụng chức năng này để đặt màn hình khởi động mong muốn. Nếu thực hiện các thay đổi, chúng sẽ có hiệu lực ở lần bật máy chiếu tiếp theo.
  - **Default (Mặc định):** Màn hình khởi động mặc định.
  - **Neutral (Trung lập):** Logo sẽ không hiển thị trên màn hình khởi động.
- **Background Color (Màu nền):** Sử dụng chức năng này để hiển thị màu Lam, Đỏ, Lục, Xám hoặc Không có khi tín hiệu không khả dụng.

## Reset (Thiết lập lại)

Đặt lại máy chiếu.

- **Reset OSD (Cài đặt OSD):** Trả lại cài đặt mặc định của nhà sản xuất cho cài đặt menu OSD.
- **Reset to Default (Cài về mặc định):** Trả lại cài đặt mặc định của nhà sản xuất cho tất cả các cài đặt.

# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

## Menu Thông tin

Xem thông tin máy chiếu như liệt kê sau đây:

- Regulatory (Điều khiển)
- Serial Number (Số Seri)
- Source (Nguồn tín hiệu)
- Resolution (Độ phân giải)
- Refresh Rate (Tốc độ cập nhật)
- Display Mode (Chế độ hiển thị)
- Projector ID (Mã nhận dạng (ID))
- Brightness Mode (Chế độ sáng)
- FW Version (Phiên bản FW)

# THÔNG TIN BỔ SUNG

## Độ phân giải tương thích

### Tương thích video

Tín hiệu	Độ phân giải
SDTV	480i/p, 576i/p
HDTV	720p (50/60Hz), 1080i (50/60Hz), 1080p (24/50/60Hz)
UHD	2160p (24/50/60Hz)

Định giờ video chi tiết:

Tín hiệu	Độ phân giải	làm mới tín hiệu (Hz)	Ghi chú
SDTV (480i)	640 x 480	60	Dùng cho Component
SDTV (480p)	640 x 480	60	
SDTV (576i)	720 x 576	50	
SDTV (576p)	720 x 576	50	
HDTV (720p)	1280 x 720	50/60	
HDTV (1080i)	1920 x 1080	50/60	
HDTV (1080p)	1920 x 1080	24/50/60	
HDTV (1080p)	1920 x 1080	240	
WQHD(1440p)	2560 x 1440	120	
UHD (2160p)	3840 x 2160	24/50/60	
			Cho 4K UHD

### Tương thích với máy tính

Tiêu chuẩn VESA (Tín hiệu máy tính (tương thích RGB Analog)):

Tín hiệu	Độ phân giải	làm mới tín hiệu (Hz)	Các ghi chú cho máy Mac
SVGA	800 x 600	56/60/72	Mac 60/72
XGA	1024 x 768	60/70/75	Mac 60/70/75
HDTV(720p)	1280 x 720	50/60	Mac 60
WXGA	1280 x 768	60/75	Mac 60/75
WXGA	1280 x 800	60	Mac 60
WXGA	1366 x 768	60	Mac 60
WXGA+	1440 x 900	60	Mac 60
SXGA	1280 x 1024	60/75	Mac 60/75
UXGA	1600 x 1200	60	
HDTV(1080p)	1920 x 1080	24/50/60	Mac 60
WUXGA	1920 x 1200 (*)	60	Mac 60

**Lưu ý:** (\*)1920 x 1200 @60Hz chỉ hỗ trợ RB (giảm mất tín hiệu).

# THÔNG TIN BỔ SUNG

Bảng định giờ cho PC:

Tín hiệu	Độ phân giải	Tần số ngang	Tốc độ cập nhật	Video	Kỹ thuật số	Ghi chú
		(KHz)	(Hz)			
SVGA	800 x 600	35,2	56,3	Không có	√	56Hz
SVGA	800 x 600	37,9	60,3	Không có	√	60Hz
SVGA	800 x 600	46,9	75	Không có	√	Không có
SVGA	800 x 600	48,1	72,2	Không có	√	72Hz
SVGA	800 x 600	53,7	85,1	Không có	√	85Hz
SVGA	832 x 624		75	Không có	√	Không có
XGA	1024 x 768	48,4	60	Không có	√	Không có
XGA	1024 x 768	56,5	70,1	Không có	√	70Hz
XGA	1024 x 768	60	75	Không có	√	Không có
XGA	1024 x 768	68,7	85	Không có	√	Không có
XGA	1024 x 768		120	Không có	Không có	Không có
SXGA	1152 x 864		75	Không có	√	Không có
HD720	1280 x 720		50	Không có	√	Không có
HD720	1280 x 720		60	Không có	√	Không có
HD720	1280 x 720	92,62	120	Không có	Không có	Không có
WXGA	1280 x 768	47,4	60	Không có	√	Không có
WXGA	1280 x 768		75	Không có	√	Không có
WXGA	1280 x 768		85	Không có	√	Không có
WXGA-800	1280 x 800		60	Không có	√	Không có
SXGA	1280 x 1024	64	60	Không có	√	Không có
SXGA	1280 x 1024	80	75	Không có	√	Không có
SXGA	1280 x 1024	91,1	85	Không có	√	Không có
SXGA+	1400 x 1050		60	Không có	Không có	Không có
UXGA	1600 x 1200	75	60	Không có	√	Không có
HD1080	1920 x 1080		24	Không có	√	Không có
HD1080	1920 x 1080		50	Không có	√	Không có
HD1080	1920 x 1080		60	Không có	√	Không có
WUXGA	1920 x 1200		60	Không có	√	RB
HDTV	1920 x 1080i		50	Không có	√	Không có
HDTV	1920 x 1080i		60	Không có	√	Không có
HDTV	1920 x 1080p		24	Không có	√	Không có
HDTV	1920 x 1080p		50	Không có	√	Không có
HDTV	1920 x 1080p		60	Không có	√	Không có
HDTV	1280 x 720	45	60	√	Không có	Không có
HDTV	1280 x 720p		50	Không có	√	Không có
HDTV	1280 x 720p		60	Không có	√	Không có
SDTV	720 x 576	31,3	50	√	Không có	Không có
SDTV	720 x 576i		50	Không có	√	Không có
SDTV	720 x 576p		50	Không có	√	Không có
SDTV	720 x 480	31,5	60	√	Không có	Không có
SDTV	720 x 480i		60	Không có	√	Không có
SDTV	720 x 480p		60	Không có	√	Không có

**Lưu ý:** “√” nghĩa là độ phân giải được hỗ trợ; “Không có” nghĩa là độ phân giải không được hỗ trợ.

# THÔNG TIN BỔ SUNG

## Khả năng tương thích máy tính cho MAC

Độ phân giải	Hz	Tương thích với Macbook	Khả năng tương thích của Macbook Pro (Intel)	Khả năng tương thích Power Mac G5	Khả năng tương thích Power Mac G4
		Kỹ thuật số	Kỹ thuật số	Kỹ thuật số	Kỹ thuật số
800 x 600	60	√	√	Không có	√
800 x 600	72	√	√	Không có	√
800 x 600	75	√	√	Không có	√
800 x 600	85	√	Không có	Không có	√
1024 x 768	60	√	√	Không có	√
1024 x 768	70	√	√	Không có	√
1024 x 768	75	√	√	Không có	√
1024 x 768	85	√	√	Không có	√
1280 x 720	60	√	√	Không có	√
1280 x 768	60	√	√	Không có	Không có
1280 x 768	75	Không có	Không có	Không có	√
1280 x 768	85	Không có	Không có	Không có	Không có
1280 x 800	60	Không có	Không có	Không có	√
1280 x 1024	60	√	Không có	Không có	√
1280 x 1024	75	√	Không có	Không có	√
1920 x 1080	60	√	Không có	Không có	√
1920 x 1200 (*)	60	√	Không có	Không có	√
3840 x 2160	60	Không có	Không có	Không có	Không có

### Lưu ý:

- (\*) 1920 x 1200 @ 60Hz chỉ hỗ trợ RB (giảm mất tín hiệu).
- "√" có nghĩa là độ phân giải được hỗ trợ; "Không có" nghĩa là độ phân giải không được hỗ trợ.

## Tín hiệu đầu vào cho HDMI

Tín hiệu	Độ phân giải	làm mới tín hiệu (Hz)	Các ghi chú cho máy Mac
SVGA	800 x 600	60/72/85/120	Mac 60/72/85
XGA	1024 x 768	60/70/75/85/120	Mac 60/70/75/85
SDTV(480I)	640 x 480	60	
SDTV(480P)	640 x 480	60	
SDTV(576I)	720 x 576	50	
SDTV(576P)	720 x 576	50	
HDTV(720p)	1280 x 720	50/60	Mac 60
WXGA	1280 x 768	60/75/85	Mac 75
WXGA	1280 x 800	60/120	Mac 60
WXGA(*2)	1366 x 768	60	
WXGA+	1440 x 900	60/120(RB)	Mac 60
SXGA	1280 x 1024	60/75/85	Mac 60/75
SXGA+	1400 x 1050	60/85	
UXGA	1600 x 1200	60/65/70/75/85	
HDTV(1080I)	1920 x 1080	50/60	
HDTV(1080p)	1920 x 1080	24/30/50/60/120	Mac 60
HDTV(1080p)	1920 x 1080	240	Mac 60
WUXGA	1920 x 1200(*1)	60	Mac 60RB

# THÔNG TIN BỔ SUNG

Tín hiệu	Độ phân giải	làm mới tín hiệu (Hz)	Các ghi chú cho máy Mac
WQHD	2560 x 1440	60RB/120	
UHD(2160p)	3840 x 2160	24/30/50/60	Mac 24/30
UHD(2160p)	4096 x 2160	24/30/50/60	Mac 24

## Lưu ý:

- (\*1) 1920 x 1200 @60Hz chỉ hỗ trợ RB (giảm mất tín hiệu).
- (\*2) Định giờ tiêu chuẩn Windows 10.

## Bảng Extended Display Identification Data (EDID)

### Tín hiệu kỹ thuật số (HDMI 2.0)

Độ phân giải thực tín hiệu kỹ thuật số: 3840 x 2160 @ 60Hz

B0/Định giờ cố định	B0/Định giờ chuẩn	B0/Định giờ chuẩn	B1/Chế độ video	B1/Định giờ chi tiết
800 x 600 @ 56Hz	1280 x 720 @ 60Hz	3840 x 2160 @ 60Hz (mặc định)	1920 x 1080p @ 120Hz 16:9	2560 x 1440 @ 120Hz
800 x 600 @ 72Hz	1280 x 800 @ 60Hz		720 x 480p @ 60Hz 4:3	1920 x 1080 @ 240Hz
800 x 600 @ 75Hz	1280 x 1024 @ 60Hz		1920 x 1080i @ 60Hz 16:9	
832 x 624 @ 75Hz	1920 x 1200 @ 60Hz		1920 x 1080i @ 50Hz 16:9	
1024 x 768 @ 60Hz	800 x 600 @ 120Hz		1920 x 1080p @ 60Hz 16:9	
1024 x 768 @ 70Hz	1024 x 768 @ 120Hz		1920 x 1080p @ 50Hz 16:9	
1024 x 768 @ 75Hz	1280 x 800 @ 120Hz		1920 x 1080p @ 24Hz 16:9	
1280 x 1024 @ 75Hz			3840 x 2160 @ 24Hz 16:9	
1152 x 870 @ 75Hz			3840 x 2160 @ 25Hz 16:9	
			3840 x 2160 @ 30Hz 16:9	
			3840 x 2160 @ 50Hz 16:9	
			3840 x 2160 @ 60Hz 16:9	
			4096 x 2160 @ 24Hz	
			4096 x 2160 @ 25Hz	
			4096 x 2160 @ 30Hz	
			4096 x 2160 @ 50Hz	
			4096 x 2160 @ 60Hz	
			720 x 480p @ 60Hz 16:9	
			1280x720p @ 60Hz 16:9	
			1280 x 720p @ 50Hz 16:9	
			720 x 576p @ 60Hz 16:9	

**Lưu ý:** Hỗ trợ 1920 x 1080 @ 50Hz



# THÔNG TIN BỔ SUNG

## **Định giờ 3D**

Định giờ 3D HDMI 1.4a cho Blu-Ray 3D:

Tín hiệu	Định giờ	Cổng hỗ trợ
720p (Gói khung)	1280 x 720 @ 50Hz	HDMI1, HDMI2, HDMI3
720p (Gói khung)	1280 x 720 @ 60Hz	HDMI1, HDMI2, HDMI3
1080p (Gói khung)	1920 x 1080 @ 23,98/24Hz	HDMI1, HDMI2, HDMI3

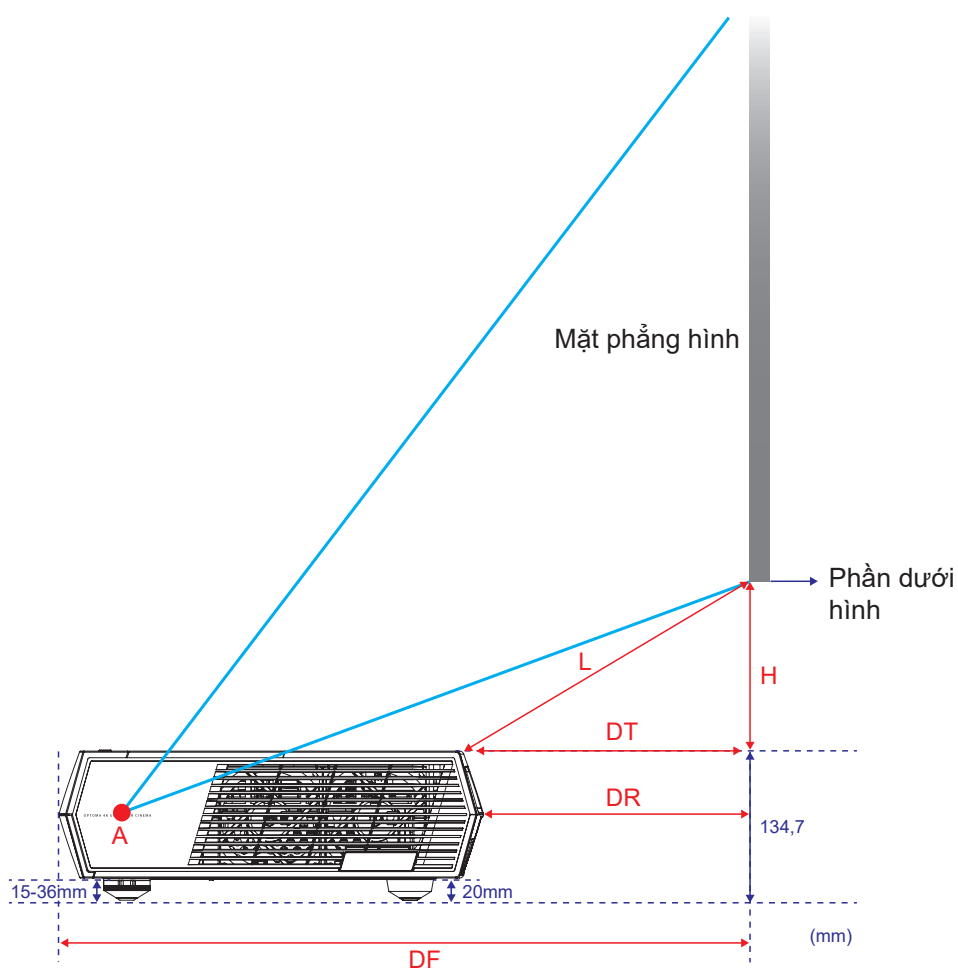
Định giờ 3D máy tính:

Tín hiệu	Định giờ	Cổng hỗ trợ
Khung tuần tự	800 x 600 @ 120Hz	HDMI1, HDMI2, HDMI3
Khung tuần tự	1024 x 768 @ 120Hz	HDMI1, HDMI2, HDMI3
Khung tuần tự	1280 x 800 @ 120Hz	HDMI1, HDMI2, HDMI3
Khung tuần tự	1920 x 1080 @ 120Hz	HDMI1, HDMI2, HDMI3

# THÔNG TIN BỔ SUNG

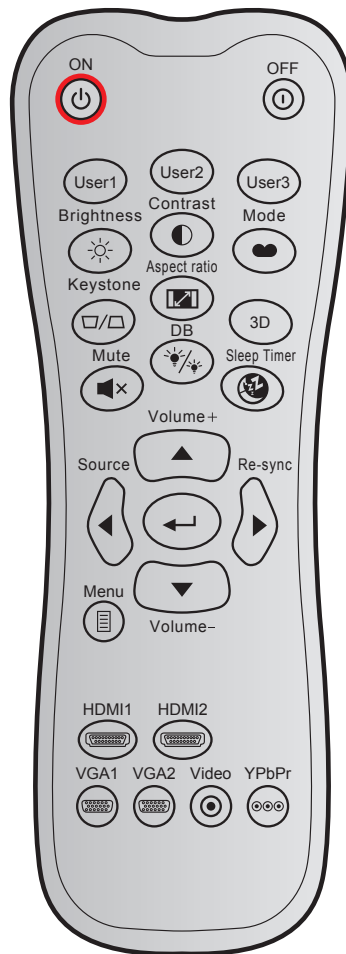
## Cỡ hình và khoảng cách chiếu

Kích thước hình (inch)	DF		DR		DT		H (Ngang) Độ lệch=121,5% ~ 130%		L Độ lệch=121,5% ~ 130%	
	m	inch	m	inch	m	inch	m	inch	m	inch
85"	0,530	20,876	0,147	5,774	0,166	6,518	0,176 ~ 0,266	6,92 ~ 10,462	0,241 ~ 0,313	9,507 ~ 12,327
90"	0,558	21,983	0,175	6,881	0,194	7,625	0,189 ~ 0,284	7,447 ~ 11,198	0,271 ~ 0,344	10,658 ~ 13,547
100"	0,615	24,197	0,231	9,095	0,250	9,839	0,216 ~ 0,322	8,501 ~ 12,668	0,33 ~ 0,407	13,003 ~ 16,04
110"	0,671	26,411	0,287	11,309	0,306	12,053	0,243 ~ 0,359	9,555 ~ 14,139	0,391 ~ 0,472	15,381 ~ 18,579
120"	0,727	28,625	0,343	13,522	0,362	14,266	0,269 ~ 0,396	10,609 ~ 15,61	0,452 ~ 0,537	17,779 ~ 21,147

















# THÔNG TIN BỔ SUNG

## Các mã điều khiển từ xa



Phím		Mã tùy chỉnh		Mã dữ liệu	Xác định phím in	Mô tả
		Byte 1	Byte 2	Byte 3		
Bật nguồn		32	CD	02	BẬT	Nhấn để bật máy chiếu.
Tắt nguồn		32	CD	2E	TẮT	Nhấn để tắt máy chiếu.
Người sử dụng 1		32	CD	36	User1	Đã sửa lỗi khi “Tiêu điểm thu nhỏ”.
Người sử dụng 2		32	CD	65	User2	Đã sửa lỗi khi “Phóng to tiêu điểm”.
Người sử dụng 3		32	CD	66	User3	Đã sửa lỗi khi kết nối “HDMI3”.
Brightness (Độ sáng)		32	CD	41	Brightness (Độ sáng)	Điều chỉnh độ sáng của hình ảnh.
Contrast (Độ tương phản)		32	CD	42	Contrast (Độ tương phản)	Kiểm soát độ khác biệt giữa phần sáng nhất và tối nhất của hình.
Chế độ hiển thị		32	CD	05	Chế độ	Chọn chế độ hiển thị để có cài đặt tối ưu cho các ứng dụng khác nhau. Vui lòng xem trang 27.
Keystone (Điều chỉnh vuông hình)		32	CD	07	Keystone (Điều chỉnh vuông hình)	Điều chỉnh độ méo hình ảnh do nghiêng máy chiếu.
Tỉ lệ khung hình		32	CD	64	Tỉ lệ khung hình	Nhấn để đổi tỷ lệ khung hình hiển thị.

# THÔNG TIN BỔ SUNG


Phím	Mã tùy chỉnh		Mã dữ liệu	Xác định phím in	Mô tả	
	Byte 1	Byte 2	Byte 3			
3D		32	CD	89	3D	Chọn bằng tay chế độ 3D phù hợp với nội dung 3D của bạn.
Âm lượng +		32	CD	09	Âm lượng +	Điều chỉnh để tăng âm lượng.
Bốn phím điều hướng		32	CD	11	▲	Sử dụng các nút trở ▲, ◀, ▶ hoặc ▼ để chọn các mục hoặc thực hiện các điều chỉnh cho lựa chọn của bạn.
		32	CD	10	◀	
		32	CD	12	▶	
		32	CD	14	▼	
Source (Nguồn tín hiệu)		32	CD	18	Source (Nguồn tín hiệu)	Nhấn "Nguồn" để chọn tín hiệu đầu vào.
Phím Enter		32	CD	0F		Xác nhận lựa chọn mục của bạn.
Tái đồng bộ		32	CD	04	Tái đồng bộ	Tự động đồng bộ máy chiếu với nguồn vào.
Âm lượng -		32	CD	0C	Âm lượng -	Điều chỉnh để giảm âm lượng.
Menu		32	CD	0E	Menu	Hiện thị hoặc thoát khỏi các menu hiển thị trên màn hình cho máy chiếu.
HDMI 1		32	CD	16	HDMI1	Nhấn "HDMI 1" để chọn nguồn tín hiệu từ đầu cắm HDMI 1.
HDMI 2		32	CD	30	HDMI2	Nhấn "HDMI2" để chọn nguồn tín hiệu từ đầu cắm HDMI 2.
VGA 1		32	CD	1B	VGA1	Không chức năng
VGA 2		32	CD	1E	VGA2	Không chức năng
Video		32	CD	1C	Video	Không chức năng
YPbPr		32	CD	17	YPbPr	Không chức năng


# THÔNG TIN BỔ SUNG


## Khắc phục sự cố


Nếu bạn gặp một sự cố với máy chiếu, vui lòng tham khảo thông tin dưới đây. Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, vui lòng liên hệ với đại lý hoặc trung tâm dịch vụ địa phương.



### Các sự cố về hình ảnh


-  *Không có hình ảnh trên màn hình*


  - Đảm bảo mọi loại cáp và kết nối nguồn điện đều được cắm đúng cách và chắc chắn như được mô tả ở trang 15.
  - Đảm bảo tất cả các chân của đầu nối không bị cong hay gãy.
  
-  *Hình ảnh lệch tiêu điểm*


  - Đảm bảo màn chiếu nằm giữa khoảng cách yêu cầu với máy chiếu. Tham khảo trang 42.
  - Sử dụng các nút **User 1** và **User 2** trên điều khiển từ xa để chỉnh tiêu điểm.
  
-  *Hình ảnh bị kéo giãn khi hiển thị tiêu đề 16:9 DVD*

  - Khi bạn phát DVD tiệm biến hay DVD 16:9, máy chiếu sẽ hiển thị hình ảnh tốt nhất ở định dạng 16: 9 ở bên máy chiếu.
  - Nếu bạn phát tiêu đề DVD định dạng 4:3, hãy thay đổi định dạng sang 4:3 trong OSD của máy chiếu.
  - Vui lòng thiết lập định dạng hiển thị là loại tỉ lệ màn hình 16:9 (rộng) trên máy phát DVD.
  
-  *Hình ảnh quá nhỏ hoặc quá lớn*

  - Đặt máy chiếu gần hoặc xa màn chiếu hơn.
  - Nhấn "" trên điều khiển từ xa, vào "Menu OSD → Display (HIỂN THỊ) → Aspect Ratio (Tỉ lệ khung hình)". Thử dùng các cài đặt khác.
  
-  *Hình ảnh có các mặt nghiêng:*

  - Nếu có thể, chỉnh lại vị trí máy chiếu sao cho nó nằm giữa màn hình và thấp hơn đáy của màn hình.
  
-  *Hình ảnh bị đảo ngược*


  - Chọn "Menu OSD → Setup (Cài Đặt) → Projection (Trình chiếu)" và điều chỉnh hướng chiếu.
  
-  *Không âm thanh*

  - Đảm bảo không bật tính năng "Mute (Tắt âm)".
  
-  *Không có âm thanh từ nguồn tín hiệu HDMI ARC*


  - Chọn "Menu OSD → Audio (Âm thanh) → Audio Mode (Chế độ âm thanh) → Speaker / Audio Out (Loa/Ngõ ra âm thanh), SPDIF / eARC". Thử dùng các cài đặt khác.

# THÔNG TIN BỔ SUNG

## Các sự cố khác

-  *Máy chiếu dừng đáp ứng với mọi điều khiển*
- Nếu có thể, hãy tắt máy chiếu, sau đó rút dây nguồn và chờ ít nhất 20 giây trước khi cắm lại nguồn.

## Các sự cố về bộ điều khiển từ xa

-  *Nếu điều khiển từ xa không hoạt động*
- Kiểm tra xem góc hoạt động của điều khiển từ xa có được chứa trong phạm vi  $\pm 15^\circ$  sang các bộ thu hồng ngoại (IR) trên máy chiếu hay không.
  - Đảm bảo không có bất kỳ vật cản nào giữa điều khiển từ xa và máy chiếu. Di chuyển trong phạm vi 6 mét (khoảng 19,6 foot) tính từ máy chiếu.
  - Đảm bảo pin được lắp đúng cách.
  - Thay pin nếu pin đã cạn.

## Chỉ báo cảnh báo

Khi các đèn cảnh báo (xem bên dưới) sáng lên hoặc nhấp nháy, máy chiếu sẽ tự động tắt:

- Đèn báo LED "Light Source (Nguồn sáng)" sẽ sáng màu đỏ và nếu đèn báo "On/Standby (Bật/Chờ)" nhấp nháy màu đỏ.
- Đèn báo LED "TEMP (NHIỆT ĐỘ)" sẽ sáng màu đỏ và nếu đèn báo "On/Standby (Bật/Chờ)" nhấp nháy màu đỏ. Dấu hiệu này cho biết máy chiếu đã quá nóng. Dưới các điều kiện bình thường, máy chiếu có thể được bật trở lại.
- Đèn báo LED "TEMP (NHIỆT ĐỘ)" sẽ nhấp nháy màu đỏ và nếu đèn báo "On/Standby (Bật/Chờ)" nhấp nháy màu đỏ.

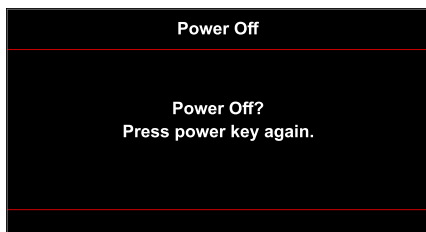
Rút dây nguồn khỏi máy chiếu, đợi 30 giây rồi thử lại. Nếu đèn cảnh báo sáng lên hoặc nhấp nháy, vui lòng liên hệ với trung tâm bảo hành gần nhất để được trợ giúp.

# THÔNG TIN BỔ SUNG

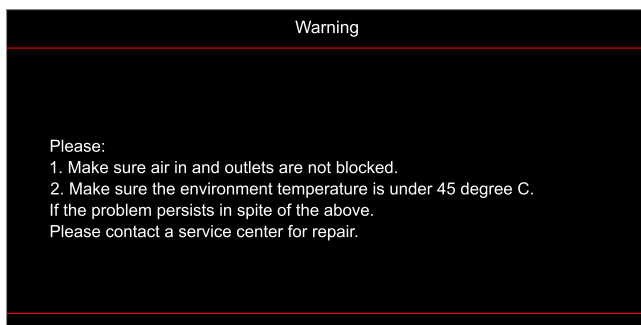
## Thông báo sáng đèn LED

Tin nhắn	Đèn LED Bật/Chờ		Đèn LED nhiệt độ	Nguồn ánh sáng LED
	(Đỏ)	(Trắng)	(Đỏ)	(Đỏ)
Trạng thái chờ (Dây nguồn đầu vào)	Sáng ổn định			
Nguồn bật (Làm nóng)		Nhấp nháy (tắt 0,5 giây/bật 0,5 giây)		
Bật nguồn và chiếu sáng nguồn sáng		Sáng ổn định		
Nguồn tắt (Làm nguội)		Nhấp nháy (tắt 0,5 giây/bật 0,5 giây). Trở về đèn đỏ ổn định khi quạt làm nguội tắt.		
Bắt đầu lại nhanh (100 giây)		Nhấp nháy (tắt 0,25 giây/bật 0,25 giây).		
Lỗi (Lỗi nguồn sáng)	Nhấp nháy			Sáng ổn định
Lỗi (Quạt hỏng)	Nhấp nháy		Nhấp nháy	
Lỗi (Quá nhiệt)	Nhấp nháy		Sáng ổn định	

- Tắt nguồn:

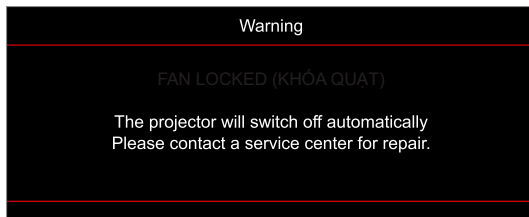


- Cảnh báo nhiệt độ:

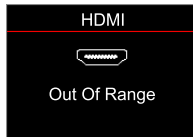


# THÔNG TIN BỔ SUNG

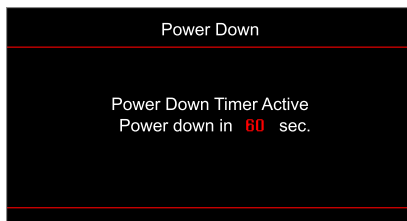
- Quạt hỏng:



- Ngoài phạm vi hiển thị:



- Cảnh báo tắt nguồn:





# THÔNG TIN BỔ SUNG

## Thông số kỹ thuật

Quang học	Mô tả
Công nghệ	1 DMD Texas Instrument, 0.47 inch (kích thước)/DMD 4K UHD HSSI S451 (Định kiểu đóng gói) với bộ dẫn động XPR 4 chiều
Độ phân giải đầu ra	4K UHD 3840 x 2160 ở mức 60Hz
Độ phân giải đầu vào tối đa	4096 x 2160 ở mức 60Hz
Ống kính	<ul style="list-style-type: none"><li>Tỷ lệ lệch tâm chuẩn 0.254</li><li>F-stop: 2.04</li><li>Tiêu cự: 525mm ở mức 90 inch</li><li>Khoảng thu phóng: Không có</li></ul>
Độ lệch	253,2 - 334,2 mm (122,5% - 129%) (chiều cao tối đa)
Kích cỡ ảnh	85 - 105 inch - tối ưu hóa ở mức 90 inch
Khoảng cách chiếu	478 mm ở mức 85 inch - 590 mm ở mức 105 inch
Cổng I/O	<ul style="list-style-type: none"><li>3 cổng HDMI V2.0</li><li><b>Lưu ý:</b> Cổng HDMI 1 hỗ trợ eARC và độ trễ thấp.</li><li>Cổng USB-A dùng cho nguồn 5V 1.5A và để nâng cấp firmware.</li><li>Đầu cắm đực RS232C (D-sub 9 chân)</li><li>Đầu ra điện thoại (3,5mm)</li><li>Đầu ra SPDIF (PCM 2 kênh, Kỹ thuật số (5.1))</li></ul>
Màu sắc	1073,4 triệu màu
Tốc độ quét	<ul style="list-style-type: none"><li>Tốc độ dò ngang: 31,0 ~ 135,0 KHz</li><li>Tốc độ dò dọc: 24 ~ 120 Hz</li></ul>
Loa	Có, 2 loa 10W
Tiêu thụ điện năng	<ul style="list-style-type: none"><li>Chế độ chờ: &lt; 0,5W</li><li>Chế độ sáng: 100%<ul style="list-style-type: none"><li>240W (thông thường) ± 15% @ 110VAC</li><li>230W (thông thường) ± 15% @ 220VAC</li></ul></li><li>Chế độ tiết kiệm: 80%<ul style="list-style-type: none"><li>185W (thông thường) ± 15% @ 110VAC</li><li>175W (thông thường) ± 15% @ 220VAC</li></ul></li></ul>
Yêu cầu nguồn điện	100 - 240V ±10%, AC 50/60Hz
Dòng điện vào	2,5A
Hướng lắp đặt	Phía trước, phía sau, trần-phía trên, phía sau-phía trên
Kích thước (Rộng x Dày x Cao)	<ul style="list-style-type: none"><li>576 x 383 x 114,7 mm (không chân đế) (22,6 x 15,0 x 4,5 inch)</li><li>576 x 383 x 129,7 mm (có chân đế) (22,6 x 15,0 x 5,1 inch)</li></ul>
Trọng lượng	8,4 kg (18,5 lbs)
Môi trường	Hoạt động ở 0~40°C, độ ẩm 80% (không ngưng tụ)

**Lưu ý:** Mọi thông số kỹ thuật đều chịu sự thay đổi mà không cần thông báo.




# THÔNG TIN BỔ SUNG

## Văn phòng toàn cầu của Optoma

Để được bảo dưỡng hoặc hỗ trợ, vui lòng liên hệ với văn phòng địa phương.




### Hoa Kỳ

47697 Westinghouse Drive,  
Fremont, CA 94539, USA  
www.optomausa.com

 888-289-6786  
 510-897-8601  
 [services@optoma.com](mailto:services@optoma.com)




### Canada

47697 Westinghouse Drive,  
Fremont, CA 94539, USA  
www.optomausa.com

 888-289-6786  
 510-897-8601  
 [services@optoma.com](mailto:services@optoma.com)

### Châu Mỹ Latin

47697 Westinghouse Drive,  
Fremont, CA 94539, USA  
www.optomausa.com

 888-289-6786  
 510-897-8601  
 [services@optoma.com](mailto:services@optoma.com)



### Châu Âu

Unit 1, Network 41, Bourne End Mills,  
Hemel Hempstead, Herts,  
HP1 2UJ, United Kingdom  
www.optoma.eu  
Điện thoại bảo hành:  
+44 (0)1923 691865

 +44 (0) 1923 691 800  
 +44 (0) 1923 691 888  
 [service@tsc-europe.com](mailto:service@tsc-europe.com)




### Benelux BV

Randstad 22-123  
1316 BW Almere  
The Netherlands  
www.optoma.nl

 +31 (0) 36 820 0252  
 +31 (0) 36 548 9052



### Pháp

Bâtiment E  
81-83 avenue Edouard Vaillant  
92100 Boulogne Billancourt, France

 +33 1 41 46 12 20  
 +33 1 41 46 94 35  
 [savoptoma@optoma.fr](mailto:savoptoma@optoma.fr)




### Spain

C/ José Hierro,36 Of. 1C  
28522 Rivas VaciaMadrid,  
Spain

 +34 91 499 06 06  
 +34 91 670 08 32




### Đức

Wiesenstrasse 21 W  
D40549 Düsseldorf,  
Germany

 +49 (0) 211 506 6670  
 +49 (0) 211 506 66799  
 [info@optoma.de](mailto:info@optoma.de)

### Scandinavia



Lerpeveien 25  
3040 Drammen  
Na Uy

 +47 32 98 89 90  
 +47 32 98 89 99  
 [info@optoma.no](mailto:info@optoma.no)

PO.BOX 9515  
3038 Drammen  
Norway


### Hàn Quốc

WOOMI TECH.CO.,LTD.  
4F, Minu Bldg.33-14, Kangnam-Ku,  
Seoul,135-815, KOREA  
korea.optoma.com

 +82+2+34430004  
 +82+2+34430005




### Nhật Bản

東京都足立区綾瀬3-25-18  
株式会社オーエス  
コンタクトセンター:0120-380-495

 [info@os-worldwide.com](mailto:info@os-worldwide.com)  
[www.os-worldwide.com](http://www.os-worldwide.com)



### Đài Loan

12F., No.213, Sec. 3, Beixin Rd.,  
Xindian Dist., New Taipei City 231,  
Taiwan, R.O.C.  
www.optoma.com.tw

 +886-2-8911-8600  
 +886-2-8911-6550  
 [services@optoma.com.tw](mailto:services@optoma.com.tw)  
[asia.optoma.com](http://asia.optoma.com)



### Hồng Kông

Unit A, 27/F Dragon Centre,  
79 Wing Hong Street,  
Cheung Sha Wan,  
Kowloon, Hong Kong

 +852-2396-8968  
 +852-2370-1222  
[www.optoma.com.hk](http://www.optoma.com.hk)

### Trung Quốc

5F, No. 1205, Kaixuan Rd.,  
Changning District  
Shanghai, 200052, China

 +86-21-62947376  
 +86-21-62947375  
[www.optoma.com.cn](http://www.optoma.com.cn)

